

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



SDFC

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102759935 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/05/2008, thay đổi lần 7 ngày 19/06/2014)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký giao dịch số: 700/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 22/12/2014)

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại các địa điểm sau:

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Trụ sở chính: Tầng 2, 3 Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: 04 37878108

Fax: 04 37878113

Website: www.sdfc.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Trụ sở chính: 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3772 6868

Fax: (84.4) 3772 6131

Chi nhánh HCM: Lầu 2, tòa nhà Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, HCM.

Điện thoại: (84-8) 3823 3923

Fax: (84.8). 3827 7380

Website: www.kls.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: **Đặng Xuân Cảnh**

Chức vụ: **Kế toán trưởng**

Điện thoại: 04 37878108

Fax: 04 37878113

Hà Nội, tháng 12 năm 2014

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102759935 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/05/2008, thay đổi lần 7 ngày 19/06/2014)

- Trụ sở chính: Tầng 2, 3 Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Điện thoại: 04 37878108 Fax: 04 37878113
- Website: www.sdpc.com.vn

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: CỔ PHIẾU CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Mã chứng khoán: SDF

Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: **68.600.000** (Sáu mươi tám triệu, sáu trăm ngàn) cổ phiếu

Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch (theo mệnh giá): **686.000.000.000** (Sáu trăm tám mươi sáu tỷ) đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

- Địa chỉ: Số 2 phố Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 3547 2972 Fax: (08) 3547 2970
- Chi nhánh Hà Nội: Số 40 Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 37.367.879 Fax: (84.4) 37.367.869
- Website: www.a-c.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

- Trụ sở chính: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3772 6868 Fax: (84-4) 3772 6131
- Chi nhánh Hồ Chí Minh: Lầu 2, tòa nhà Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, HCM
- Điện thoại: (84-8) 3823 3923 Fax: (84.8). 3827 7380
- Website: www.kls.vn

MỤC LỤC

	Trang
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU.....	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về lãi suất.....	5
3. Rủi ro về tín dụng.....	5
4. Rủi ro ngoại hối.....	6
5. Rủi ro thanh toán.....	6
6. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng.....	6
7. Rủi ro về luật pháp.....	7
8. Rủi ro giao dịch.....	7
9. Rủi ro khác.....	7
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	8
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	10
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	10
2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	14
3. Sơ đồ tổ chức, quản lý của Công ty.....	15
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; cơ cấu cổ đông.....	23
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký đăng ký giao dịch.....	24
6. Hoạt động kinh doanh.....	24
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	26
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	28
9. Chính sách đối với người lao động.....	29
10. Chính sách cổ tức.....	30
11. Tình hình tài chính.....	30
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	36
13. Tài sản.....	49
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	50
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch:.....	53
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán đăng ký giao dịch:.....	53
V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	54

1.	Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông	54
2.	Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu	54
3.	Mã chứng khoán: SDF	54
4.	Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 68.600.000 (<i>Sáu mươi tám triệu sáu trăm ngàn</i>) cổ phiếu	54
5.	Giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch (theo mệnh giá): 686.000.000.000 (<i>Sáu trăm tám mươi sáu tỷ</i>) đồng.....	54
6.	Phương pháp tính giá.....	54
7.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	55
8.	Các loại thuế có liên quan	56
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	57
VII.	PHỤ LỤC.....	57

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU

Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà hoạt động trong lĩnh vực tài chính, công ty trực tiếp huy động vốn, cho vay, đầu tư và tài trợ các dự án kinh tế, phát hành các chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu,... Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp từ thay đổi của nền kinh tế như tăng giảm tốc độ tăng trưởng GDP, biến động của lạm phát hay thay đổi trong chính sách tài khóa, tiền tệ và các rủi ro khác trong ngành.

1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế quốc gia sẽ ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến tốc độ tăng trưởng của các ngành kinh tế chung, đặc biệt là hoạt động trong lĩnh vực tài chính. Một nền kinh tế tăng trưởng mạnh sẽ kéo theo sự gia tăng nhu cầu về đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất kinh doanh, các dự án đầu tư, thương mại, dịch vụ. Qua đó, thúc đẩy cung – cầu tiền trong nền kinh tế, hoạt động đầu tư tăng theo, hoạt động kinh doanh của SDFC có chuyển biến tích cực. Ngược lại, khi nền kinh tế có bất ổn hay suy thoái sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu chung của cả nền kinh tế và tác động xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành nói chung và của Công ty nói riêng.

Nền kinh tế Việt Nam đang trải qua giai đoạn hết sức khó khăn, rất nhiều ngành, lĩnh vực của nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài từ năm 2009 đến nay. Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà chịu tác động mạnh, doanh thu và lợi nhuận của công ty giảm dần qua các năm từ năm 2011.

2. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro phát sinh khi lãi suất thị trường biến động ảnh hưởng bất lợi đến thu nhập ròng từ lãi và giá trị vốn của Công ty. Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, lãi suất ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Với đặc thù công ty tài chính, lãi suất huy động vốn, cho vay thường là trung và dài hạn, lãi suất biến động bất lợi sẽ tác động đến doanh thu từ lãi cho vay và lợi nhuận của Công ty. Ngay từ khi mới đi vào hoạt động, Công ty đã chú trọng vào vấn đề quản trị rủi ro, Công ty đã xây dựng các quy định nội bộ trong đó có quy định quản lý rủi ro lãi suất nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh, tuân thủ các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước và từng bước tiếp cận các thông lệ có liên quan của quốc tế.

SDFC quản lý rủi ro lãi suất theo nguyên tắc cẩn trọng. Tại SDFC, rủi ro lãi suất được đo lường bằng các báo cáo chênh lệch thời gian đáo hạn và xác định lại lãi suất (interest rate gap report) phân bổ theo các phân đoạn thời gian dưới một tháng, từ 1 đến 3 tháng, 3 đến 6 tháng, 6 đến 9 tháng, 9 tháng đến 1 năm, 1 đến 5 năm và trên 5 năm. Việc quản lý rủi ro lãi suất được thực hiện thông qua phân tích tỷ số giữa tài sản nhạy cảm lãi suất với nguồn vốn nhạy cảm lãi suất ở các trạng thái VND, USD, EUR,... Bên cạnh đó, Công ty cũng đang nghiên cứu, hoàn thiện các công cụ quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý rủi ro lãi suất trong hoạt động.

3. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro cơ bản đối với hầu hết các Tổ chức tín dụng, các Công ty tài chính nói chung và SDFC nói riêng do hoạt động cho vay, đầu tư tài chính vẫn là hoạt động chính của công ty. Rủi ro tín dụng xảy ra khi khách hàng được cấp tín dụng, bên có nghĩa vụ hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hay toàn bộ nghĩa vụ theo cam kết trong hợp đồng. Rủi ro tín dụng phát sinh do các nguyên nhân:

- Từ phía khách hàng: Khách hàng không đủ tiềm lực tài chính về vốn để thực hiện phương án kinh doanh, dự án đầu tư theo kế hoạch, do năng lực quản trị điều hành hạn chế, công nghệ sản

xuất lạc hậu, năng lực cạnh tranh thấp. Khách hàng cố tình lừa đảo vay vốn thực hiện không đúng mục đích vay vốn dẫn đến mất khả năng thanh toán khoản vay. Do tác động bất lợi của nền kinh tế, chính sách quản lý vĩ mô ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh của khách hàng, khách hàng không đủ nguồn vốn để thanh toán khoản vay khi đến hạn.

- Từ môi trường kinh doanh: Do nguyên nhân bất khả kháng xảy ra (thiên tai, dịch họa,...), những thay đổi từ chính sách vĩ mô, thay đổi văn bản pháp lý hoặc suy giảm nền kinh tế nói chung.
- Từ chính công ty: Do chính sách, quy trình cho vay chưa chặt chẽ, công tác quản trị rủi ro chưa hiệu quả, do trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ chưa đáp ứng được nhu cầu, việc xác định nhu cầu, thời hạn cho vay đối với khách hàng chưa phù hợp.

Trong điều kiện kinh doanh có nhiều thay đổi, biến động như hiện nay, các chủ thể kinh tế có mối quan hệ qua lại lẫn nhau, việc quản trị rủi ro tín dụng phát sinh nhiều phức tạp, đòi hỏi công ty phải không ngừng tăng cường công tác quản trị rủi ro, đặc biệt là rủi ro tín dụng. Đồng thời, Công ty tuân thủ đầy đủ về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo đúng quy định của pháp luật có liên quan.

4. Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối phát sinh do những biến động bất lợi về tỷ giá hối đoái gây ra sự giảm giá trị đối với ngoại tệ mà công ty đang sở hữu. Hoạt động kinh doanh ngoại hối của công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự biến động tỷ giá trên thị trường.

Tỷ giá hối đoái tại Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước quản lý và điều tiết, Ngân hàng Nhà nước sẽ công bố tỷ giá bình quân liên ngân hàng, các ngân hàng thương mại, công ty tài chính sẽ giao dịch ngoại tệ với biên độ cho phép. Để quản lý rủi ro ngoại hối, SDFC ban hành một số các quy định về chính sách, hạn mức giao dịch ngoại hối, ngưỡng chấp nhận rủi ro, các công cụ đo lường và kiểm soát rủi ro ngoại hối.

5. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là khả năng Công ty không thực hiện được hoặc không đủ nguồn đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn. Rủi ro thanh toán phát sinh từ sự không phù hợp về quy mô và kỳ hạn giữa các tài sản nợ và tài sản có của Công ty trong các thời điểm.

Để giảm thiểu rủi ro thanh toán phát sinh, công ty chủ trương thực hiện tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Ngân hàng Nhà nước có liên quan, quy định đảm bảo an toàn của hệ thống, gia tăng đầu tư vào tài sản có tính sinh lời cao, tăng cường chất lượng tài sản. Bên cạnh đó, công ty cũng xây dựng hệ thống các văn bản, quy định, quy trình để quản lý rủi ro thanh toán.

6. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Hoạt động ngoại bảng của Công ty là các nghiệp vụ kinh doanh được phản ánh trên mục “Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán” như bảo lãnh vay vốn, thư tín dụng, cam kết tài trợ cho khách hàng,... Rủi ro phát sinh khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng, khi đó, công ty phải thay khách hàng thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết.

Để phòng ngừa và hạn chế rủi ro này, công ty đã ban hành các quy định cụ thể đối với các nghiệp vụ:

- Đối với nghiệp vụ bảo lãnh, cam kết tài trợ vốn: Ban hành quy chế bảo lãnh, cam kết tài trợ đối với khách hàng, qua đó quy định rõ điều kiện bảo lãnh, tài trợ vốn, quy trình thẩm định xét duyệt, thẩm quyền ký hợp đồng, cam kết và biện pháp đảm bảo, trình tự, thủ tục thực hiện.
- Đối với nghiệp vụ phát hành thư tín dụng: Quy trình, thủ tục, trình tự đánh giá, thẩm định tương tự như đối với nghiệp vụ cho vay. Ngoài ra, đối với nghiệp vụ mở L/C, bộ phận quan hệ khách

hàng sẽ chuyển hồ sơ sang bộ phận thanh toán xem xét, đánh giá sự phù hợp/ không phù hợp về mặt thông lệ, quy định. Tùy từng trường hợp cụ thể, đề xuất mở L/C sẽ được chuyển cho bộ phận quản lý rủi ro để tiến hành phân tích, đánh giá lại các rủi ro, xác định mức độ rủi ro và đề xuất các biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro.

- Bên cạnh đó, hầu hết các khoản mục ngoại bảng đều có tài sản thế chấp, cầm cố (bất động sản, máy móc, thiết bị, hàng hóa) hoặc đảm bảo bằng giá trị ký quỹ với tỷ lệ phù hợp đối với khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro.

7. Rủi ro về luật pháp

Mọi hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật đất đai, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế thu nhập cá nhân và các văn bản pháp quy hướng dẫn chung của ngành... Tuy nhiên, hệ thống luật pháp Việt Nam hiện nay vẫn đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện, do đó các luật và văn bản dưới luật này sẽ có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những sự thay đổi này sẽ có thể gây ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực tài chính, bên cạnh việc tuân thủ các quy định pháp luật chung, công ty còn chịu sự điều chỉnh của pháp luật chuyên ngành về tài chính.

Sau khi đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, do vậy, nếu có sự thay đổi về pháp luật chứng khoán có thể ảnh hưởng đến tình hình giao dịch cổ phiếu của công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà luôn tiếp cận sớm và tham khảo các chính sách, văn bản mới nhất nhằm triển khai thực hiện theo đúng các quy định pháp lý, hạn chế rủi ro về pháp lý có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh.

8. Rủi ro giao dịch

Việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán sẽ đem lại những lợi ích đáng kể cho nhà đầu tư như tang cường tính thanh khoản của cổ phiếu, và đối với công ty là sự quảng bá thương hiệu, hình ảnh, uy tín, tạo động lực hướng tới mô hình quản trị chuẩn mực hơn.

Thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn còn nhiều biến động, chưa ổn định, thị giá chứng khoán chưa phản ánh đúng giá trị thực của công ty mà còn phụ thuộc nhiều vào tâm lý của nhà đầu tư, vào yếu tố cung – cầu của cổ phiếu, sự thay đổi quy định của pháp luật có liên quan và tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Do tác động của của nền kinh tế, hoạt động kinh doanh của SDFC trong thời gian qua chưa có nhiều chuyển biến tích cực, doanh thu và lợi nhuận chưa đạt như kỳ vọng, việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty lên sàn thời điểm này có thể khó thu hút được sự quan tâm của nhà đầu tư. Tuy nhiên, trong thời gian tới, với nhiều chính sách tài chính phù hợp của Nhà nước và các cơ quan quản lý, nền kinh tế sẽ có những chuyển biến tích cực, hoạt động kinh doanh của Công ty có sự tăng trưởng sẽ thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư.

9. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn,... là các rủi ro bất khả kháng, nằm ngoài tầm kiểm soát, phòng ngừa và dự kiến của Công ty. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra, chúng có thể ảnh hưởng và gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức đăng ký giao dịch: CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Ông Lê Quốc Minh	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Đặng Anh Vinh	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Cường	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đặng Xuân Cảnh	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Ông Bùi Quang Bách	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
---------------------------	-----------------------------------

Giấy ủy quyền số 0101-1/2014/UQ-HĐQT ngày 01/01/2014 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long.

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội do Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty/Tổ chức đăng ký giao dịch/ SDFC: Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà;

CTCP	:	Công ty cổ phần;
KLS	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long;
Cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà;
VĐL	:	Vốn điều lệ;
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
HNX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
VSD	:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông;
HDQT	:	Hội đồng quản trị;
BTGD	:	Ban Tổng Giám đốc;
BKS	:	Ban Kiểm soát;
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên;
Giấy CNĐKKD	:	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh;
BCTC	:	Báo cáo tài chính;
DTT	:	Doanh thu thuần;
TDT	:	Tổng Doanh thu;
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế;
Thuế TNDN	:	Thuế thu nhập doanh nghiệp;
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh;
VND	:	Đồng Việt Nam
ĐKGD	:	Đăng ký giao dịch

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

- Tên công ty: **CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ**
- Tên Tiếng Anh: Song Da Finance Joint Stock Company
- Trụ sở chính: Tầng 2, 3 Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Điện thoại: 04 37878108 Fax: 04 37878113
- Website: www.sdfc.com.vn



- Logo: **SDFC**
- Giấy CNĐKKD: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102759935 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/05/2008, thay đổi lần 7 ngày 19/06/2014.
- Vốn điều lệ đăng ký: 686.000.000.000 (Sáu trăm tám mươi sáu tỷ) đồng
- Vốn điều lệ thực góp : 686.000.000.000 (Sáu trăm tám mươi sáu tỷ) đồng
- Số tài khoản: 10301 0000 003547 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình.
- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà được UBCKNN chấp thuận đăng ký công ty đại chúng ngày 02/05/2009.
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:
Hoạt động dịch vụ tài chính, gồm:
 - ✓ Bảo lãnh;
 - ✓ Cấp tín dụng theo quy định của Ngân hàng nhà nước;
 - ✓ Mở tài khoản và dịch vụ ngân quỹ;
 - ✓ Góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng khác;
 - ✓ Đầu tư cho các dự án theo hợp đồng;
 - ✓ Tham gia thị trường tiền tệ;
 - ✓ Thực hiện các dịch vụ kiều hối, kinh doanh vàng;
 - ✓ Làm đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá cho các doanh nghiệp;
 - ✓ Được quyền nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến tài chính ngân hàng, bảo hiểm, đầu tư;
 - ✓ Cung ứng các dịch vụ tư vấn về ngân hàng, tài chính, tiền tệ, đầu tư cho khách hàng;

- ✓ Cung ứng các dịch vụ bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ, két, cầm đồ và các dịch vụ khác;
- ✓ Thực hiện nghiệp vụ bao thanh toán theo quy định của Ngân hàng nhà nước;
- ✓ Thực hiện hoạt động ngoại hối theo quy định;

Hoạt động trung gian tiền tệ, gồm:

- ✓ Huy động vốn từ các nguồn: Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở lên của tổ chức, cá nhân; Phát hành trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các loại giấy tờ có giá khác để huy động vốn; Vay vốn của các tổ chức tín dụng, tài chính trong nước, ngoài nước và các tổ chức tài chính quốc tế; Tiếp nhận vốn ủy thác của chính phủ, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
 - ✓ Cho vay dưới các hình thức: Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn theo quy định của ngân hàng nhà nước; Cho vay ủy thác của Chính phủ; Cho vay tiêu dùng bằng hình thức cho vay mua trả góp;
 - ✓ Chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác.
- Sản phẩm/dịch vụ chính của Công ty:
- ✓ Hoạt động huy động vốn;
 - ✓ Hoạt động tín dụng;
 - ✓ Hoạt động đầu tư;
 - ✓ Dịch vụ tài chính và Kinh doanh ngoại hối.

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

- Ngày 03/10/2007, tại trụ sở của Tổng Công ty Sông Đà, các cổ đông sáng lập gồm: Tổng Công ty Sông Đà, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội, Tổng Công ty Bảo Minh đã họp ký kết Thỏa thuận thành lập Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà, trong đó Tổng công ty Sông Đà là cổ đông nắm giữ cổ phần lớn nhất.
- Ngày 31/01/2008, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản số 1091/NHNN – CNH chấp thuận nguyên tắc thành lập Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà.
- Ngày 07/04/2008, tại Tổng công ty Sông Đà đã diễn ra Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà.
- Ngày 23/05/2008, Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 137/GP – NHNN; chuẩn y Điều lệ Công ty (Quyết định số 1142/QĐ – NHNN); Chuẩn y việc bổ nhiệm chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Quyết định số 1143/QĐ – NHNN). Ngày 23 tháng 7 năm 2008, tại Trung tâm hội nghị quốc gia đã diễn ra lễ khai trương hoạt động của Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà.
- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103024916 lần đầu ngày 26/05/2008, và được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 ngày 19/06/2014.
- Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà đã không ngừng kiện toàn bộ

máy tổ chức, nâng cao năng lực tài chính, đầu tư trang thiết bị hiện đại, nguồn nhân lực đem lại hiệu quả cao nhất cho công việc, nâng cao chất lượng sản phẩm/ dịch vụ cung cấp.

1.3. Quá trình tăng vốn của Công ty

- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà xin báo cáo về quá trình tăng vốn của công ty kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần như sau:

Lần	Thời gian thực hiện	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn ĐL sau phát hành (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Thành lập	Ngày 23/05/2008		500	Vốn điều lệ ban đầu thành lập	- Giấy phép thành lập và hoạt động số 137/GP – NHNN của Ngân hàng Nhà nước - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103024916 lần đầu ngày 26/05/2008
Lần 1(*)	Tháng 01/2011	186	686	Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	- NQ ĐHĐCĐ số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7/5/2009; - Quyết định số 2613/QĐ-NHNN ngày 17/11/2009 và số 1401/QĐ-NHNN ngày 10/6/2010 của Ngân hàng Nhà nước về việc phát hành trái phiếu chuyển đổi; - Công văn số 10239/NHNN-TTGSNH ngày 31/12/2010 chấp thuận cho SDFC tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ lên 686 tỷ đồng; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102759935 thay đổi lần 3 ngày 10/01/2011.

(Nguồn: SDFC)

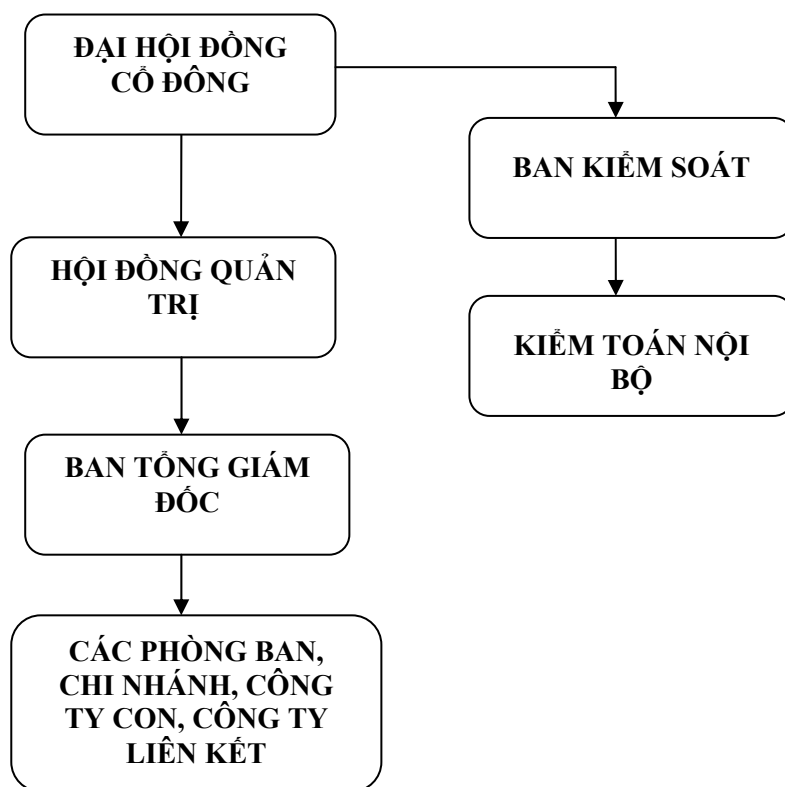
(*): Quá trình tăng vốn từ 500 tỷ đồng lên 686 tỷ đồng:

- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà phát hành trái phiếu chuyển đổi năm 2009, giá trị trái phiếu

chuyển đổi phát hành là 300 (ba trăm) tỷ đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7/5/2009 và Quyết định số 2613/QĐ-NHNN ngày 17/11/2009 của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận SDFC phát hành trái phiếu chuyển đổi, thời hạn trái phiếu tối đa là 3 năm.

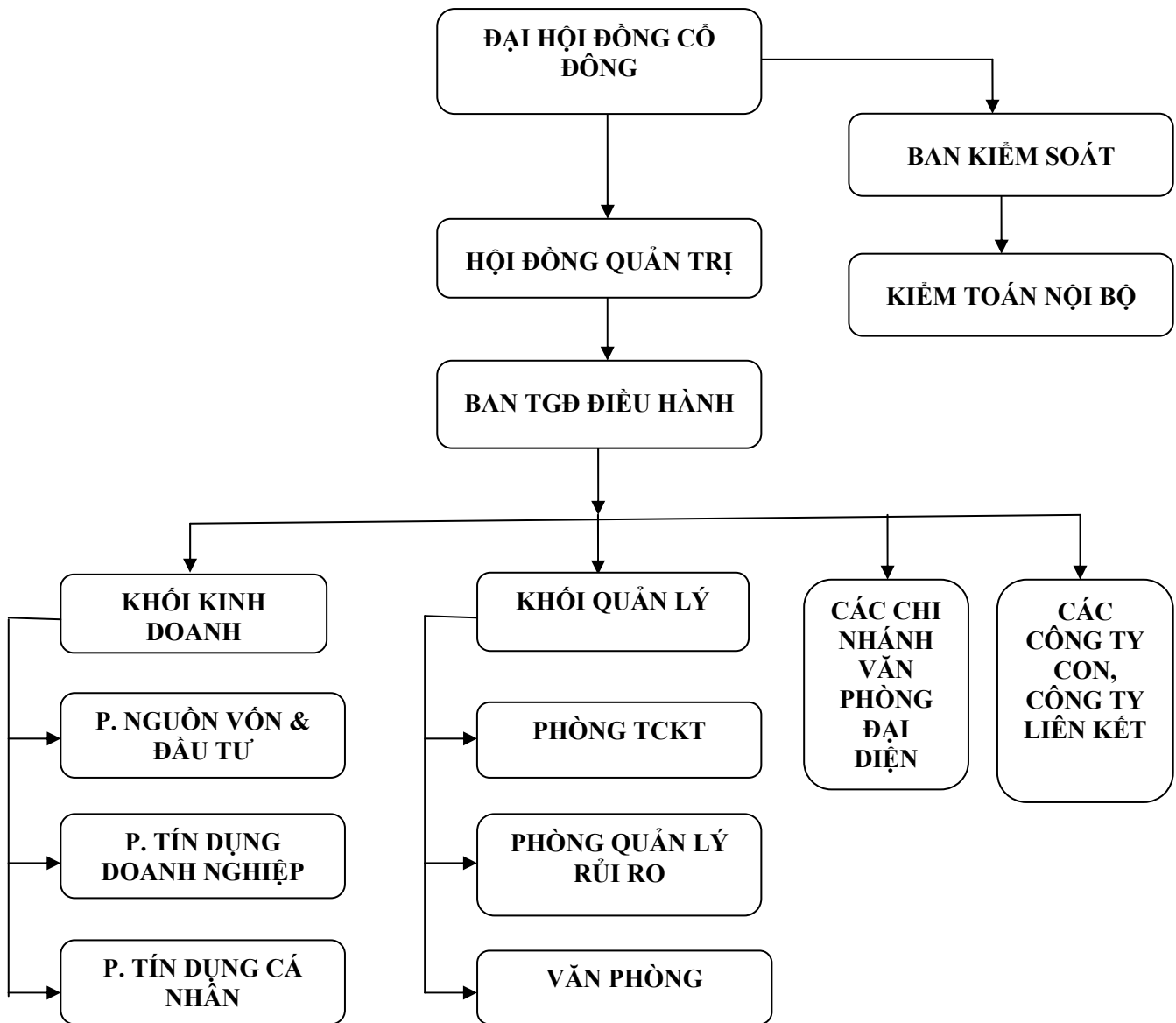
- Ngày 10/06/2010, Ngân hàng Nhà nước có Quyết định số 1401/QĐ-NHNN ngày 10/06/2010 chấp thuận cho SDFC điều chỉnh thời gian chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi. Cuối năm 2010, SDFC thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, giá trị trái phiếu chuyển đổi chuyển thành cổ phiếu là 186 tỷ đồng. Ngày 7/12/2010, SDFC đã có tờ trình số 71/TT-HĐQT trình Ngân hàng Nhà nước xin tăng vốn điều lệ và ngày 31/12/2010, Ngân hàng Nhà nước đã có văn bản số 10239/NHNN-TTGSNH chấp thuận cho SDFC tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ lên 686 tỷ đồng. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102759935 thay đổi lần 3 ngày 10/01/2011 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ đăng ký 686 tỷ đồng.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty



3. Sơ đồ tổ chức, quản lý của Công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



3.1. Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông ủy quyền. Đại hội đồng cổ đông có quyền hạn và nhiệm vụ:

- Thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, của Hội đồng quản trị và của kiểm toán viên;
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (*theo quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty*).

- Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của công ty;
- Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở mục tiêu chiến lược đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương theo chức năng;
- Đề xuất các loại cổ phiếu phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định, duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của công ty quy định.

Hội đồng quản trị của Công ty có 05 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Danh sách thành viên HĐQT:

+ Ông: Lê Quốc Minh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
+ Ông: Đặng Anh Vinh	Thành viên Hội đồng quản trị
+ Bà: Trần Thị Thanh Hương	Thành viên Hội đồng quản trị
+ Ông: Phùng Quang Tuyên	Thành viên Hội đồng quản trị
+ Ông: Trần Tuấn Linh	Thành viên Hội đồng quản trị

3.3. Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty:

- Kiểm tra giám sát toàn bộ mọi hoạt động trong nội bộ công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Hằng năm, trình ĐHĐCĐ các báo cáo thẩm tra tài chính, những sự kiện tài chính bất thường, những sự kiện có thể tác động xấu đến quyền và lợi ích của công ty, nêu ra những nhận xét về ưu và khuyết điểm trong quản lý của HĐQT và Tổng Giám đốc;
- Yêu cầu triệu tập họp HĐQT hoặc ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật;
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát của Công ty có 04 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

+	Ông: Nguyễn Minh Cường	Trưởng Ban Kiểm soát
+	Ông: Vũ Văn Doanh	Thành viên Ban Kiểm soát
+	Bà: Nguyễn Thị Việt Oanh	Thành viên Ban Kiểm soát
+	Bà: Phạm Thị Nhàn	Thành viên Ban Kiểm soát

3.4. Ban Tổng Giám Đốc điều hành

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

- Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng Quản trị, khách hàng về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ của Công ty.
- Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý để thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định cho các Phó Tổng Giám đốc.
- Kế toán trưởng: Giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác tài chính, kế toán của Công ty. Tổ chức phân tích các hoạt động kinh tế trong công ty một cách thường xuyên, đánh giá kết quả và hiệu quả kế hoạch kinh doanh của công ty, nghiên cứu cải tiến tổ chức kinh doanh nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn kinh doanh, đồng vốn của công ty.

Ban Tổng Giám đốc là bộ phận điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Tổng Giám đốc có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của

Giám đốc theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty;

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;
- Đại diện Công ty trước Pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách Ban Tổng Giám đốc:

+ Ông: Đặng Anh Vinh	Tổng Giám đốc
+ Ông: Tạ Duy Sơn	Phó Tổng Giám đốc
+ Ông: Trần Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc
+ Ông: Đặng Xuân Cảnh	Kế toán trưởng

3.5. **Kiểm toán nội bộ:**

Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm và quyền hạn:

- Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm và thực hiện các hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch, các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
- Kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với tất cả các đơn vị, bộ phận, các hoạt động của Công ty (cơ chế, chính sách, thủ tục, quy trình hoặc các vấn đề trong hoạt động) dựa trên mức độ rủi ro (cao, trung bình hoặc thấp) và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động và đưa ra những khuyến nghị thiết thực nhằm ngăn ngừa, khắc phục.
- Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; kiến nghị xử lý những vi phạm; đề xuất các biện pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ.
- Đánh giá mức độ phù hợp của các hoạt động nhằm ngăn ngừa, khắc phục những điểm yếu đã được báo cáo; các hoạt động nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; và theo dõi cho đến khi các vấn đề này được xử lý thỏa đáng.
- Lập báo cáo kiểm toán; thông báo và đệ trình kịp thời các kết quả kiểm toán nội bộ.
- Thực hiện quy trình đảm bảo chất lượng công tác kiểm toán nội bộ.
- Thiết lập hồ sơ về trình độ năng lực và các yêu cầu cần thiết đối với kiểm toán viên nội bộ để làm cơ sở tuyển dụng, đề bạt, luân chuyển cán bộ và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; Lập kế hoạch và tổ chức đào tạo một cách liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho kiểm toán viên nội bộ.
- Tư vấn cho Ban lãnh đạo, Hội đồng quản trị và các bộ phận nghiệp vụ quy trình nhận dạng, đo

lượng đánh giá rủi ro, quản lý rủi ro, phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin, hạch toán, kế toán; thực hiện các nghiệp vụ, sản phẩm mới với điều kiện không ảnh hưởng tới tính độc lập của kiểm toán nội bộ.

3.6. Các phòng ban nghiệp vụ:

KHÔI QUẢN LÝ

❖ Văn phòng

Văn phòng có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc chỉ đạo, quản lý và điều hành các công tác:

- Công tác tổ chức nhân sự:
 - + Nghiên cứu và đề xuất mô hình, cơ cấu tổ chức Công ty phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh trong từng thời kỳ;
 - + Lập kế hoạch sử dụng, đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ; thực hiện công tác đánh giá, nhận xét cán bộ hàng năm, tổng hợp các báo cáo về đội ngũ cán bộ;
 - + Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực toàn Công ty trong từng giai đoạn;
 - + Trình Tổng giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ; Báo cáo Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ;
 - + Thực hiện công tác quản lý nhân lực: bao gồm tuyển dụng, tiếp nhận, điều động lao động, theo dõi sự biến động nhân sự trong toàn Công ty và quản lý hồ sơ cán bộ
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực:
 - + Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn của CBCNV phù hợp với nhu cầu kinh doanh của Công ty; tổ chức thực hiện đào tạo theo kế hoạch và theo dõi, đánh giá kết quả học tập của cán bộ;
 - + Phối hợp với các đơn vị trong toàn Công ty và đầu mối tổ chức thực hiện việc đào tạo theo nhu cầu công việc của các đơn vị và Công ty;
 - + Quản lý công tác đào tạo, hồ sơ đào tạo theo phân cấp.
- Công tác lao động, tiền lương, chế độ chính sách với người lao động:
 - + Quản lý hợp đồng lao động; Làm các thủ tục ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, sa thải, khen thưởng, kỷ luật theo quy định của Pháp luật và Công ty;
 - + Xây dựng đề Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị ban hành Quy chế trả lương, Quy chế thi đua khen thưởng phù hợp với quy định của Nhà nước;
 - + Thực hiện công tác an toàn và bảo hộ lao động, chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại bảo hiểm khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty;
 - + Xây dựng và thực hiện các chế độ chính sách khác cho người lao động phù hợp với qui định hiện hành của Nhà nước;
 - + Chăm sóc sức khỏe cho CBCNV, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV toàn Công ty.
- Công tác thư ký, công tác giúp việc Hội đồng quản trị, trợ lý Ban Tổng giám đốc:

- + Tổng hợp và quản lý chương trình, kế hoạch công tác của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị;
- + Thực hiện công tác thư ký và trợ lý cho Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị; Lập biên bản các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị;
- + Quản lý và điều hành phương tiện phục vụ đưa đón Lãnh đạo Công ty đi làm việc; Quản lý văn phòng làm việc của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị.
- Công tác quản trị văn phòng, văn thư lưu trữ, an ninh bảo vệ:
 - + Tổ chức công tác văn thư, lưu trữ, hành chính tổng hợp và công tác bảo mật theo qui định của Pháp luật hiện hành;
 - + Quản lý con dấu và các giấy tờ pháp lý liên quan đến việc vận hành của Công ty; là đầu mối cung cấp các giấy tờ pháp lý có liên quan đến việc thực hiện các thủ tục của Công ty;
 - + Quản lý công tác lễ tân, khánh tiết, đưa đón và tiếp khách của Công ty; Bố trí phương tiện đi lại, ăn ở cho CBCNV đi công tác;
 - + Đảm bảo tốt và đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho cán bộ; bảo trì và bảo dưỡng các trang thiết bị của Công ty;
 - + Sắp xếp, bố trí địa điểm làm việc cho CBCNV và các phòng ban trong Công ty;
 - + Đảm bảo công tác an ninh quốc phòng, bảo vệ, phòng chống cháy nổ trong toàn Công ty.
- Thực hiện các công việc liên quan đến công tác đối ngoại của Công ty, quản trị thông tin và truyền thông, công tác xây dựng và quản trị thương hiệu.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc giao.

❖ ***Phòng Tài chính - Kế toán***

Phòng Tài chính Kế toán có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong các lĩnh vực sau:

- Tổ chức công tác hạch toán kế toán.
- Quản lý tiền lương, tài sản tiền vốn.
- Xây dựng, quản lý và thực hiện kế hoạch tài chính.
- Công tác hợp đồng kinh tế.
- Nhiệm vụ chi tiết, cụ thể của Phòng tài chính kế toán được quy định cụ thể theo Quy chế chức năng nhiệm vụ các phòng ban của Công ty.
- + Thực hiện công tác hạch toán kế toán các hoạt động của Công ty theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật hiện hành;
- + Chủ trì và phối hợp với các phòng xây dựng và giao kế hoạch tài chính định kỳ (tháng, quý, năm) cho từng đơn vị; tính toán và quyết toán kết quả kinh doanh tháng, quý, năm của các đơn vị trực thuộc Công ty;
- + Phân tích hiệu quả kinh tế tài chính, khả năng sinh lời của các hoạt động kinh doanh của Công ty;
- + Phối hợp với Phòng Tín dụng doanh nghiệp, phòng Tín dụng cá nhân, phòng Nguồn vốn & đầu tư thương thảo các Hợp đồng trong lĩnh vực tín dụng, nguồn vốn, đầu tư, DVTC ...

- + Giám sát việc thực hiện các hợp đồng kinh tế, thực hiện thanh lý hợp đồng kinh tế theo đúng Quy định của Pháp luật và của Công ty; Định kỳ hàng tháng, quý báo cáo Tổng giám đốc Công ty về tình hình thực hiện các Hợp đồng kinh tế đã ký.
- + Các nhiệm vụ được giao của Ban lãnh đạo.

❖ ***Phòng Quản lý Rủi ro***

Phòng Quản lý rủi ro có chức năng tham mưu giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong các công tác:

- Kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và của Công ty.
- Công tác pháp chế;
- Công tác Thẩm định độc lập;
- Công tác kế hoạch.
- Nhiệm vụ chi tiết, cụ thể của Phòng Quản lý rủi ro được quy định cụ thể theo Quy chế chức năng nhiệm vụ các phòng ban của Công ty.

KHỐI KINH DOANH

❖ ***Phòng Nguồn vốn và Đầu tư***

Phòng nguồn vốn & đầu tư có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong các công tác:

- Công tác nguồn vốn: Tổ chức thực hiện việc tạo lập nguồn vốn, tham gia thị trường tiền tệ liên ngân hàng, thực hiện các nghiệp vụ thị trường mở, cân đối và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, thực hiện nghiệp vụ kinh doanh và quản lý ngoại hối, đảm bảo trạng thái ngoại tệ của Công ty; thực hiện kinh doanh vàng hoặc làm đại lý kinh doanh vàng cho các tổ chức khác; mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá (GTCG) bằng VND và ngoại tệ.
- Công tác đầu tư và dịch vụ tài chính:
 - + Nghiên cứu, tổ chức triển khai đầu tư và quản lý vốn đầu tư;
 - + Tổ chức, triển khai cung cấp các dịch vụ tài chính, tiền tệ đối với các khách hàng;
 - + Công tác đầu tư, mua sắm tài sản (xây dựng cơ bản, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị CNTT, mua sắm tài sản cố định).
- Nhiệm vụ chi tiết, cụ thể của Phòng Nguồn vốn và Đầu tư được quy định cụ thể theo Quy chế chức năng nhiệm vụ các phòng ban của Công ty.

❖ ***Phòng Tín dụng Doanh nghiệp***

Phòng Tín dụng doanh nghiệp có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong các lĩnh vực:

- Tổ chức, xây dựng kế hoạch tín dụng doanh nghiệp, phát triển sản phẩm tín dụng doanh nghiệp.
- + Chủ trì và phối hợp với phòng Tài chính kế toán, Phòng nguồn vốn & đầu tư và Phòng Quản lý rủi ro lập kế hoạch tín dụng doanh nghiệp hàng năm, kế hoạch trung và dài hạn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- + Chủ trì nghiên cứu, xây dựng kế hoạch phát triển và tổ chức thực hiện cung cấp các sản phẩm tín dụng doanh nghiệp;
- + Chủ trì và phối hợp với các bộ phận liên quan thực hiện Marketing tín dụng bao gồm việc thiết lập, mở rộng, phát triển hệ thống khách hàng, giới thiệu các sản phẩm tín dụng doanh nghiệp cho khách hàng, thực hiện công tác thị trường.
- Nghiên cứu, tổ chức triển khai và quản lý các các hoạt động tín dụng, bảo lãnh đối với các doanh nghiệp doanh nghiệp
- + Tham mưu, giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong việc nghiên cứu, tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, xử lý rủi ro trong hoạt động tín dụng doanh nghiệp;
- + Xác định hạn mức tín dụng, giới hạn tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp và trình cấp có thẩm quyền xem xét cấp hạn mức tín dụng đối với từng khách hàng; xếp loại khách hàng doanh nghiệp, phân loại nợ, xác định mức trích lập dự phòng theo mức độ rủi ro tín dụng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đầu mỗi tổng hợp báo cáo phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro của Công ty trình cấp có thẩm quyền theo quy định
- + Trực tiếp thực hiện hoạt động tín dụng doanh nghiệp
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc giao.

❖ Phòng Tín dụng Cá nhân

Phòng Tín dụng cá nhân có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong các lĩnh vực:

- Nghiên cứu, tổ chức triển khai và quản lý các các hoạt động tín dụng đối với các cá nhân.
- + Chủ trì và phối hợp với phòng Tài chính kế toán, Phòng nguồn vốn & đầu tư và Phòng Quản lý rủi ro lập kế hoạch tín dụng cá nhân hàng năm, kế hoạch trung và dài hạn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- + Chủ trì và phối hợp với các bộ phận liên quan thực hiện Marketing tín dụng cá nhân bao gồm việc thiết lập, mở rộng, phát triển hệ thống khách hàng, giới thiệu các sản phẩm tín dụng cá nhân cho khách hàng.
- + Chủ trì nghiên cứu, xây dựng kế hoạch phát triển và tổ chức thực hiện cung cấp các sản phẩm tín dụng cá nhân; Công tác thị trường.
- Xây dựng kế hoạch tín dụng cá nhân, phát triển sản phẩm tín dụng đối với các cá nhân.
- + Tham mưu, giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong việc nghiên cứu, tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, xử lý rủi ro trong hoạt động tín dụng cá nhân;
- + Trực tiếp thực hiện hoạt động tín dụng cá nhân
- + Xác định phân loại nợ, xác định mức trích lập dự phòng theo mức độ rủi ro tín dụng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- + Quản lý (hoàn chính, bổ sung, bảo quản, lưu trữ, khai thác...) hồ sơ tín dụng theo qui định; tổng hợp, phân tích, quản lý (thu thập, lưu trữ, bảo mật, cung cấp) thông tin và lập các báo cáo về công tác tín dụng cá nhân theo quy định.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc giao.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày chốt 11/12/2014

TT	CỔ ĐÔNG	SỐ ĐKSH	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN NĂM GIỮ	TỶ LỆ
1	Tổng Công ty Sông Đà	0100105870	Tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, P. Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, HN	19.000.000	27,70%
2	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	27 GD/KDBH	Số 26 Tôn Thất Đạm, Q1, TP. Hồ Chí Minh	8.000.000	11,66%
3	Ngân hàng TMCP Quân Đội	060297	Số 21 Cát Linh, quận Đống Đa, TP. Hà Nội	8.800.000	12,83%
Tổng cộng				35.800.000	52,19%

Nguồn: SDFC

4.2. Cổ đông sáng lập

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103024916 lần đầu ngày 26/05/2008, và được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 ngày 19/06/2014 danh sách cổ đông sáng lập của SDFC như sau:

TT	CỔ ĐÔNG	SỐ ĐKSH	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN NĂM GIỮ	TỶ LỆ
1	Tổng Công ty Sông Đà	0100105870	Tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, P. Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, HN	19.000.000	27,70%
2	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	27 GD/KDBH	Số 26 Tôn Thất Đạm, Q1, TP. Hồ Chí Minh	8.000.000	11,66%
3	Ngân hàng TMCP Quân Đội	060297	Số 21 Cát Linh, quận Đống Đa, TP. Hà Nội	8.800.000	12,83%
Tổng cộng				35.800.000	52,19%

Nguồn: SDFC

Theo quy định tại Điều 84 Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay, cổ đông sáng lập của Công ty đã hết hạn chế chuyển nhượng (03 năm kể từ ngày thành lập). Cổ phần của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng.

4.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày chốt 11/12/2014

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
I	Trong nước	2.162	68.600.000	100%
1	Tổ chức	15	48.687.500	70,97%
2	Cá nhân	2.147	19.912.500	29,03%
II	Nước ngoài	0	0	0%

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	Tổ chức	0	0	0%
2	Cá nhân	0	0	0%
TỔNG CỘNG		2.162	68.600.000	100%

Nguồn: SDFC

5. **Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký đăng ký giao dịch**

5.1. *Công ty mẹ; Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà:* Không có.

5.2. *Những công ty con; những công ty mà Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:* Không có.

6. **Hoạt động kinh doanh**

6.1. *Sản phẩm dịch vụ chính*

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà là hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính, SDFC thực hiện huy động vốn của các tổ chức kinh tế và thực hiện hoạt động cho vay, bảo lãnh, thu xếp vốn và đồng tài trợ, đầu tư các dự án, đầu tư chứng khoán và kinh doanh ngoại hối.

❖ **Cơ cấu Doanh thu từ lãi và các khoản thu nhập tương tự:**

Đơn vị: Đồng

SẢN PHẨM /DỊCH VỤ	NĂM 2012		NĂM 2013		9 THÁNG ĐẦU NĂM 2014	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Thu lãi tiền gửi và cho vay	274.741.326.342	60,00%	90.764.483.848	54,24%	63.754.636.589	68,12%
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	74.837.482.318	16,34%	7.798.291.665	4,66%	4.590.208.330	4,90%
Thu khác từ hoạt động tín dụng	108.336.071.160	23,66%	68.774.005.611	41,10%	25.255.122.858	26,98%
Tổng cộng	457.914.879.820	100%	167.336.781.124	100%	93.599.967.777	100%

Nguồn: SFDC

❖ Cơ cấu chi phí lãi và các chi phí tương tự:

Đơn vị: Đồng

SẢN PHẨM /DỊCH VỤ	NĂM 2012		NĂM 2013		9 THÁNG ĐẦU NĂM 2014	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Trả lãi tiền gửi	226.469.325.514	49,46%	23.043.480.842	13,77%	10.755.810.307	11,49%
Trả lãi tiền vay	119.124.093.638	26,01%	40.598.366.213	24,26%	23.089.541.666	24,67%
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	43.048.787.673	9,40%	27.838.751.800	16,64%	7.493.065.632	8,01%
Chi phí hoạt động tín dụng khác	13.449.622.460	2,94%	95.938.906	0,06%	51.471.078	0,05%
Tổng cộng	402.091.829.285	87,81%	91.576.537.761	54,73%	41.389.888.683	44,22%

Nguồn: SFDC

❖ Thu nhập lãi thuần:

Đơn vị: Đồng

SẢN PHẨM /DỊCH VỤ	NĂM 2012	NĂM 2013	9 THÁNG ĐẦU NĂM 2014
Thu nhập lãi thuần	55.823.050.535	75.760.243.363	52.210.079.094

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý III/2014

❖ Các khoản thu nhập từ hoạt động khác:

Đơn vị: Đồng

SẢN PHẨM /DỊCH VỤ	NĂM 2012	NĂM 2013	9 THÁNG ĐẦU NĂM 2014
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	9.269.852.944	2.637.484.516	910.000
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(22.165.801)	2.123.319	0
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	2.322.218.113	151.357	2.192.268.679
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	(1.575.000.000)	0	0
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	(10.964.064)	999.004.154	(6.755.502.835)
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	236.216.000	29.330	0
Tổng	10.220.157.192	3.638.792.676	(4.562.324.156)

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý III/2014

6.2. Kế hoạch phát triển kinh doanh

- Trong những năm qua, mặc dù chịu ảnh hưởng của biến động kinh tế, kế hoạch kinh doanh không đạt như dự kiến, như mục tiêu chiến lược kinh doanh đã đặt ra, nhưng SDFC đã và đang từng bước khẳng định vị thế và uy tín của Công ty trên thị trường tài chính. Mục tiêu xây dựng Công ty thành một định chế tài chính mạnh cả về quy mô vốn, công nghệ ngân hàng, năng lực quản trị tiên tiến, có khả năng hợp tác và hội nhập thành công với hệ thống các định chế tài

chính trong nước và quốc tế; cung cấp các dịch vụ tài chính đồng bộ chất lượng cao cho khách hàng, là xương sống trong các định chế tài chính của Tập đoàn Sông Đà.

- Để đáp ứng được nhu cầu của kế hoạch, mục tiêu hoạt động kinh doanh, Công ty tài chính cổ phần Sông Đà tập trung vào nhóm khách hàng các Công ty con, Công ty liên kết của Tập đoàn Sông Đà và các đối tác chiến lược của cổ đông sáng lập, đồng thời tiếp cận và đáp ứng nhu cầu của các tổ chức kinh tế, các nhà đầu tư khác trong nền kinh tế quốc dân đặc biệt là các doanh nghiệp vừa & nhỏ và khách hàng cá nhân.
- Ngoài ra, Công ty chú trọng vào việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính của một định chế đầu tư tài chính hiện đại, chú trọng các sản phẩm, dịch vụ tài chính để phục vụ nhu cầu đầu tư và sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Sông Đà, khách hàng và các đối tác trong và ngoài nước. Công ty cũng thực hiện kiện toàn bộ máy quản lý, tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ có năng lực, trình độ, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, chủ động nâng cao tiềm lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

- + Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 - 2013 và 9 tháng năm 2014:

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013		9 THÁNG ĐẦU NĂM 2014
		GIÁ TRỊ	% TĂNG GIẢM so với năm 2012	
Tổng giá trị tài sản	2.434.324	1.583.508	-34,95%	1.367.582
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	457.915	167.337	-63,46%	93.600
Thuế và các khoản phải nộp	4.175	4.074	-2,42%	1.761
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	44.608	64.985	45,68%	38.139
Lợi nhuận trước thuế	913	11.743	1.186,20%	4.547
Lợi nhuận sau thuế	674	8.661	1.185,01%	3.355
Tỉ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-		-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý III/2014

Trong năm 2013, các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính của công ty: Giá trị Tổng tài sản và Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự giảm so với năm 2012, tương ứng với mức giảm 34,9% và 63,46%. Thu nhập năm 2013 giảm mạnh là do các khoản thu từ lãi tiền gửi và cho vay, khoản thu từ lãi kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ và thu từ hoạt động tín dụng giảm mạnh.

Doanh thu giảm nhưng lợi nhuận thuần, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đạt được mức tăng trưởng tốt hơn so với năm 2012, đặc biệt là lợi nhuận trước và sau thuế tăng mạnh so với năm 2012. Sự tăng trưởng này là do chi phí lãi và các chi phí tương tự giảm mạnh từ

402.091 triệu đồng năm 2012 xuống 91.576 triệu đồng năm 2013 (giảm 77,23%), chi phí hoạt động giảm từ 21,4 tỷ đồng năm 2012 xuống 14,4 tỷ đồng năm 2013 (giảm 32,71%), tỷ lệ trích chi phí dự phòng rủi ro (trên lợi nhuận) giảm từ 97,96% năm 2012 xuống mức 81,93% năm 2013. Kết thúc năm 2013, lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 8,66 tỷ đồng.

9 tháng năm 2014, doanh số cho vay của công ty đạt 93,6 tỷ đồng, đạt 72,56% kế hoạch năm 2014 và Lợi nhuận sau thuế đạt trên 65% kế hoạch năm. Công ty đang nỗ lực thực hiện các hoạt động kinh doanh nhằm đạt kết quả kinh doanh vào cuối năm và dự kiến hoàn thành kế hoạch kinh doanh đặt ra trong năm 2014.

Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính 2013: Tại báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, đơn vị thực hiện kiểm toán có nhấn mạnh một số nội dung liên quan đến báo cáo tài chính của Công ty:

- + Trong năm 2013, SDFC thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) bị quá hạn (xem thuyết minh số số V.6) và dự phòng đối với các khoản nợ phải thu (xem thuyết minh số V.12) căn cứ vào đánh giá và chính sách của công ty.
- + Số dư nợ phải thu của CTCP Sông Đà Thăng Long, CTCP Xi măng Hạ Long có thể ảnh hưởng đến tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động của SDFC (xem thuyết minh số V.10).

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

Khó khăn

- Cơ chế hoạt động đối với các công ty tài chính hiện nay rất khó khăn, cụ thể như không được cung cấp dịch vụ thanh toán, không được nhận tiền gửi của dân cư,... nên không có những tiện ích để thu hút khách hàng gửi tiền cũng như cho vay, đồng thời không kiểm soát được dòng tiền vào – ra của khách hàng;
- Các khách hàng của SDFC chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản (những ngành nghề chính của Tổng công ty Sông Đà). Trong thời gian qua, nhóm ngành này chịu ảnh hưởng nặng nề của khủng hoảng kinh tế nên các khách hàng đã gặp rất nhiều khó khăn về tài chính ảnh hưởng đến việc trả nợ.
- Giai đoạn trước năm 2012, HĐQT chưa thực sự tham gia trực tiếp vào việc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty mà chỉ thông qua các cơ quan giúp việc được HĐQT thành lập như Hội đồng tín dụng, Hội đồng đầu tư;
- SDFC mới được thành lập nên kinh nghiệm và năng lực trong lĩnh vực tài chính ngân hàng còn yếu, nhất là vấn đề quản trị rủi ro trước, trong và sau cho vay, đầu tư; không kịp thời đánh giá, phát hiện và xử lý các rủi ro, dẫn đến việc phát sinh nợ xấu và khó khăn về thanh khoản từ cuối năm 2011 đến nay;
- Hạn chế về nguồn lực, khả năng tiếp nhận và xử lý thông tin, khả năng thích ứng không cao. Đội ngũ nhân viên nghiệp vụ còn hạn chế, nhất là kỹ năng phân tích báo cáo tài chính để đánh giá năng lực tài chính và khả năng trả nợ của khách hàng còn yếu. Chưa đánh giá kịp thời những biến động bất lợi của nền kinh tế đối với hoạt động của SDFC cũng như các khách hàng để có cảnh báo và giải pháp xử lý nhằm giảm thiểu rủi ro.

Thuận lợi

- Là Công ty thành viên của Tổng Công ty Sông Đà, có cổ đông sáng lập gồm các tổ chức tài chính, bảo hiểm lớn, SDFC nhận được sự quan tâm, hỗ trợ trong quá trình hoạt động. Điều này đã tạo nên sự khác biệt và lợi thế cho Công ty khi tiến hành đàm phán, thương thảo, ký kết các hợp đồng kinh tế.
- Công ty có nguồn vốn lớn, năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh cao, nguồn khách hàng và đối tác là những đơn vị thành viên của Tổng Công ty và các cổ đông,... tạo điều kiện rất thuận lợi trong quá trình hoạt động kinh doanh.
- Công ty có đội ngũ lãnh đạo, quản lý có nhiều kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao và năng động, nhiệt tình trong công việc; Đội ngũ cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm luôn được kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý và sản xuất kinh doanh của công ty.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà được kế thừa kinh nghiệm cũng như thương hiệu lâu năm và uy tín từ các cổ đông sáng lập (Tổng công ty Sông Đà, Ngân hàng MB, Tổng công ty Bảo Minh) là những đơn vị có uy tín lớn trong lĩnh vực xây dựng, tài chính ngân hàng, bảo hiểm, cùng với đội ngũ lãnh đạo nhiều kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao. Với những thế mạnh trên, Công ty nhanh chóng xây dựng được uy tín trên thị trường và đạt được nhiều kết quả khả quan kể từ khi hoạt động đến nay. Công ty cung cấp nhiều sản phẩm dịch vụ tài chính cho các đơn vị là các công ty thành viên của Tổng Sông Đà, Ngân hàng MB và nhiều các tổ chức, cá nhân khác.

Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế thị trường như hiện nay, Công ty cũng gặp phải sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường từ phía các doanh nghiệp khác trong cùng ngành và từ các tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng khác trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, quy mô vốn điều lệ hiện tại của Công ty không lớn, ảnh hưởng đến khả năng đầu tư và cạnh tranh của công ty.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Trong những năm gần đây, kinh tế Việt Nam đã dần vượt qua thời kỳ suy giảm với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân tuy không cao như giai đoạn trước năm 2009 nhưng ổn định. Các chuyên gia phân tích đều cho rằng, trong các năm tới, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ duy trì ở mức 5% - 6%/năm.

Trong năm 2013 và 9 tháng đầu năm 2014, giá trị sản xuất kinh doanh của ngành đã có nhiều chuyển biến tích cực. Nền kinh tế đã có bước tăng trưởng và ổn định hơn trong dài hạn, nhu cầu đầu tư (xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, dân dụng, đầu tư các dự án phát triển,...) nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh, thương mại) tăng cao. Bên cạnh đó, nhu cầu về tài chính của các đơn vị thành viên của Tổng Sông Đà cũng tăng, đây chính là triển vọng kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) dự kiến trong 5 năm tới ở mức bình quân 5% - 6%/năm sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành, lĩnh vực kinh doanh đạt được mức tăng trưởng khá cao và bền vững trong dài hạn. Việc Việt Nam gia nhập nhiều liên minh kinh tế thế

giới cũng tạo tiền đề hết sức thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước hội nhập với thế giới (nâng cao năng lực quản trị, quy mô vốn, công nghệ và phương thức quản lý, tăng khả năng cạnh tranh ..). Có thể nói, triển vọng tăng trưởng của hoạt động tài chính trong thời gian tới được đánh giá là tương đối tốt với rất nhiều cơ hội phát triển.

8.3. **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới**

Hiện tại, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà là cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính. Đây là lĩnh vực kinh doanh có nhiều triển vọng trong và phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chính sách của Nhà Nước, là cầu nối của các đơn vị, đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư không chỉ cho các doanh nghiệp và cho cả nền kinh tế.

Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà tiếp tục chủ trương tập trung các hoạt động, dịch vụ tài chính truyền thống với các đơn vị thành viên của Tổng Sông Đà đồng thời chủ trương tăng quy mô vốn, tăng năng lực cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn về vốn đầu tư của các đối tác, khách hàng.

9. **Chính sách đối với người lao động**

9.1. **Số lượng lao động trong Công ty**

Tính đến ngày 30/09/2014, toàn Công ty có 52 người, trong đó có 04 thành viên HĐQT kiêm nhiệm và 02 thành viên BKS kiêm nhiệm; 46 cán bộ nhân viên làm việc trực tiếp tại Công ty.

Cơ cấu lao động của công ty

TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG (người)	TỶ LỆ
- Trên đại học	12	23%
- Đại học	34	65,38%
- Cao đẳng	1	0,19%
- Bảo vệ + Lái xe	5	11,43%
Tổng số	52	100%

Nguồn: SDFC

9.2. **Chế độ làm việc cho người lao động**

Thời gian làm việc: Thời gian làm việc tại SDFC là 8h/ngày và 5 ngày/tuần.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: theo quy định của Bộ Luật lao động.

Cán bộ nhân viên được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc một cách tốt nhất, hiện đại nhất và thoải mái nhất nhằm đảm bảo cung cấp cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tối ưu, hiệu quả nhất.

9.3. **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

- Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của SDFC là thu hút các chuyên gia có trình độ cao trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, có chính sách, chế độ đãi ngộ hợp lý thông qua thu nhập và cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp.

- Đào tạo và phát triển nhân viên là một trong các công tác ưu tiên của SDFC. Chính sách đào tạo của SDFC có mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên thành thạo về nghiệp vụ, có đạo đức trong kinh doanh, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và nhiệt tình phục vụ khách hàng.
- Nhân viên trong hệ thống SDFC có cơ hội tham dự các lớp huấn luyện đào tạo nghiệp vụ theo nhu cầu công việc bên trong và bên ngoài Công ty, được tài trợ chi phí

9.4. Chế độ khen thưởng

Chế độ khen thưởng cho nhân viên của SDFC gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng phục vụ. SDFC có các chế độ cơ bản như sau:

- Được hưởng lương theo năng suất và thưởng hoàn thành công việc;
- Thưởng cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm; thưởng sáng kiến;
- Thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm thành lập Công ty

9.5. Tiền lương, Bảo hiểm xã hội và phúc lợi:

- Thu nhập bình quân của CBCNV Công ty năm 2013 đạt ở mức 8,97 triệu đồng/người/tháng. CBCNV được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên SDFC còn nhận được phụ cấp độc hại, phụ cấp rủi ro tiền mặt, phụ cấp chuyên môn.
- Hàng năm, SDFC thực hiện chế độ nghỉ dưỡng sức, đồng phục cho nhân viên. SDFC có những chính sách đãi ngộ nhân viên như tổ chức khám bệnh định kỳ hàng năm và tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao, chăm sóc thiếu niên nhi đồng là con em của cán bộ nhân viên Công ty thông qua các tổ chức đoàn thể của Công ty.

10. Chính sách cổ tức

- HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.
- Tỷ lệ cổ tức 03 năm gần nhất như sau:
 - + Năm 2011: Công ty trả cổ tức 5%.
 - + Năm 2012, 2013: không chia cổ tức mà để lại bổ sung hoạt động kinh doanh.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

- Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	3-5 năm

Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
Tài sản cố định khác	3 năm

- Mức thu nhập bình quân của người lao động trong công ty

Năm	Đơn vị tính	2011	2012	2013
Mức thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	12.440.000	9.573.000	8.971.000

Nguồn: SDFC

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn: Căn cứ vào Báo cáo tài chính 9 tháng 2014, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.
- Các khoản phải nộp theo luật định: Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước.
- Cho vay khách hàng:

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	140.884.861.166	238.393.519.789	217.482.426.535
Các khoản nợ chờ xử lý (*)	0	12.320.823.900	12.320.823.900
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(6.930.858.178)	(20.301.795.747)	(20.040.599.286)
Tổng cộng	133.954.002.988	230.412.547.942	209.762.651.149

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý III/2014

(*): Khoản nợ chờ xử lý là khoản lỗ do chuyển đổi trái phiếu của Tập đoàn Vinashin thành trái phiếu của Công ty mua bán nợ DATC. Khoản lỗ này được phân bổ vào chi phí trong 5 năm theo hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước

- ❖ *Phân tích chất lượng nợ vay khoản cho vay:*

KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Nợ đủ tiêu chuẩn	47.341.209.068	20.926.593.500	201.416.616.654
Nợ cần chú ý	93.543.652.098	200.881.116.408	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-	-
Nợ nghi ngờ	-	16.585.809.881	-
Nợ có khả năng mất vốn	-	-	16.065.809.881
Tổng cộng	140.884.861.166	238.393.519.789	217.482.426.535

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý III/2014

❖ *Phân tích dư nợ theo thời gian:*

KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Nợ ngắn hạn	56.609.450.242	166.585.809.881	147.971.546.176
Nợ trung hạn	3.597.209.068	571.593.500	7.126.763.951
Nợ dài hạn	80.678.201.856	71.236.116.408	62.384.116.408
Tổng cộng	140.884.861.166	238.393.519.789	217.482.426.535

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý III/2014

- Chứng khoán đầu tư:

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	451.124.501.200	90.000.000.000	90.000.000.000
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	160.000.000.000	175.000.000.000	175.000.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán	(19.567.360.633)	(10.763.683.333)	(38.208.588.809)
Tổng cộng	591.557.140.567	254.236.316.667	226.791.411.191

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý III/2014

- Vốn và quỹ của Công ty:

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Vốn Điều lệ	686.000.000.000	686.000.000.000	686.000.000.000
Các quỹ	53.709.397.162	80.189.675.347	81.477.756.604
+ Quỹ Đầu tư phát triển	13.893.000.000	13.893.000.000	14.326.033.619
+ Quỹ Dự phòng tài chính	26.105.000.000	52.967.778.185	53.833.845.421
+ Quỹ Dự trữ bổ sung vốn chủ sở hữu	12.842.483.816	12.876.183.816	13.309.217.434
+ Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	860.253.216	444.053.216	-
+ Quỹ khác	8.660.130	8.660.130	8.660.130
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26.896.478.185	8.660.672.363	9.640.594.998
Tổng cộng	766.605.875.347	774.850.347.710	777.118.306.602

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý III/2014

- Chi tiết các khoản phải thu:

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Phải thu CTCP Sông Đà Thăng Long (*)	450.000.000.000	450.000.000.000	450.000.000.000
CTCP xi măng Hạ Long	250.000.000.000	235.000.000.000	
Phải thu CTCP xi măng Hạ Long	36.097.222.223	70.690.248.240	58.877.748.240
Đặt cọc mua trái phiếu (**)	282.600.000.000	280.869.724.055	280.869.724.055
Phải thu MB bank	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu Công ty Tài chính CP Điện lực	-	790.333.333	790.333.333
Phải thu CTCP Sông Đà 5	-	326.265.500	326.265.500
Phải thu về hỗ trợ lãi suất	4.098.608.441	4.098.608.441	4.098.608.441
Phải thu khác	387.738.170	799.406.471	987.659.480
Dự phòng rủi ro các khoản phải thu			77.200.682.310
Tổng cộng	1.023.183.568.834	1.044.574.586.040	720.749.650.739

Nguồn: SDFC

(*): Tổng số dư nợ phải thu của CTCP Sông Đà Thăng Long (STL) theo dõi gồm:

- + SDFC nhận lại nợ 320 tỷ đồng của STL với Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội (SHB), Kỳ nhận nợ đầu tiên của STL với công ty từ 31/11/2011 đến 15/01/2012 và được gia hạn từ 31/05/2012 đến 31/5/2013. Đến thời điểm 31/12/2013, Công ty chưa ký kết các phụ lục gia hạn mới, lãi suất áp dụng là 24%/ năm.
- + SDFC cho STL vay từ nguồn vốn ủy thác cho vay của Ngân hàng MHB, số tiền 150 tỷ đồng, đến ngày 24/12/2011, thời điểm đáo hạn của hợp đồng, Công ty đã trả hộ STL và nhận lại khoản vay từ MHB.

(**): Phải thu do đặt cọc trái: Theo HĐ đặt cọc mua trái phiếu số 01/2011/HĐĐC/SDFC-SMFC ngày 28/7/2011, CTCP Quản lý quỹ SME (nay là CTCP quản lý quỹ Hữu Nghị - FICAP) thực hiện môi giới mua TP chính phủ cho Công ty. SDFC phải đặt cọc hợp đồng 50% tổng giá trị TP dự kiến mua (500 tỷ đồng) từ ngày 28/7/2011 đến ngày 28/7/2012. Đến thời điểm đáo hạn, quý SME chưa thực hiện được việc mua TP và hai bên ký phụ lục thanh lý một phần tiền cọc, giá trị còn lại là 282,5 tỷ đồng, lãi suất 24,2%/ năm và được thế chấp bằng QSD đất tại lô HH2C khu đô thị Nam Khánh. Ngày 3/5/2013, TCT Sông Đà đã trả thay cho quỹ SME: 1.630.275.946 đồng. Đến thời điểm 31/12/2013, hai bên chưa ký thêm phụ lục gia hạn nào.

- Nợ phải trả:

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Nợ Chính phủ và Ngân hàng NN	-	-	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	1.216.737.046.393	470.500.000.000	325.365.972.222
Tiền gửi của khách hàng	-	-	1.600.000.000

KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	84.000.000.000	60.000.000.000	45.000.000.000
Phát hành giấy tờ có giá	250.000.000.000	169.000.000.000	80.000.000.000
Các khoản nợ khác	116.981.118.499	109.158.389.995	138.497.931.404
Tổng cộng	1.667.718.164.892	808.958.389.995	590.463.903.626

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý III/2014

- Chi tiết Tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng:

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Tiền gửi	606.846.811.928	146.000.000.000	78.865.972.222
NH TMCP Sài Gòn – Hà Nội	325.000.000.000	45.000.000.000	
NH TMCP Kỹ thương Việt Nam	24.846.811.928	19.000.000.000	13.865.972.222
NH TMCP XNK Việt Nam	38.000.000.000	30.000.000.000	20.000.000.000
NH TMCP Đại Tín	63.000.000.000	52.000.000.000	45.000.000.000
NH TMCP Nhà Hà Nội	57.900.000.000	-	
NH TMCP Đông Nam Á	46.600.000.000	-	
Công ty Tài chính CP Dệt may VN	30.000.000.000	-	
NH ĐT&PT Campuchia – CN Hà Nội	9.500.000.000	-	
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	12.000.000.000	-	
Tiền vay	609.890.234.465	324.500.000.000	246.500.000.000
NH TMCP Quân Đội	250.000.000.000	246.500.000.000	246.500.000.000
NH TMCP Bảo Việt	22.000.000.000	18.000.000.000	-
NH Đầu tư & Phát triển Việt Nam	250.890.234.465	60.000.000.000	-
Công ty TC CP Vinaconex-Viettel	58.000.000.000	-	
Tổng Công ty TC CP Dầu khí VN	29.000.000.000	-	
Tổng cộng	1.216.737.046.393	470.500.000.000	325.365.972.222

Nguồn: SDFC

- Nợ bảo lãnh quá hạn: Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà không có nợ bảo lãnh quá hạn đến thời điểm thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu, hệ số tài chính được áp dụng tính theo Quyết định số 06/2008/QĐ-NHNN ngày 12/3/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quy định xếp loại Ngân hàng thương mại cổ phần.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	9 tháng 2014
1. Quy mô vốn			
- Vốn điều lệ	686.000	686.000	686.000
- Tổng tài sản có	2.434.324	1.583.508	1.367.582
- Tỷ lệ an toàn vốn	36,60%	47,90%	57,8%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
- Doanh số huy động tiền gửi (số dư huy động vốn)	1.550.736	699.500	451.966
- Doanh số cho vay (dư nợ tín dụng)	140.885	238.394	217.482
- Doanh số thu nợ	164.373	201.921	329.513
- Nợ quá hạn	0	16.586	16.066
- Nợ khó đòi	0	16.586	16.066
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0	0	0
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	0	6,96%	7,38%
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	0	6,96%	7,38%
3. Khả năng thanh khoản			
- Khả năng thanh toán ngay	6,90%	0,6%	8,4%
- Khả năng thanh toán trong vòng 7 ngày (lần)	0,18	0,04	0,17

Nguồn: SDFC

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

❖ Ông Lê Quốc Minh - Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Họ và tên : **Lê Quốc Minh**
2. Giới tính : Nam
3. Số CMND : 013401779 Ngày cấp : 07/11/2011 Nơi cấp : Hà Nội
4. Ngày sinh : 30/9/1979 Nơi sinh : Vĩnh Phúc
5. Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
6. Địa chỉ thường trú : 68 B3 Khu tập thể học Viện Tài chính kế toán – Tổ 10 Cầu Diễn – Từ Liêm- Hà Nội
7. Địa chỉ hiện tại : C8, TT học viện kỹ thuật quân sự , Từ Liêm, Hà Nội
8. Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
9. Quá trình công tác :
 - 2002 - 2005 : Ngân hàng kỹ thương Việt Nam – Techcombank
- Chuyên viên Khách hàng Doanh nghiệp – TT Kinh doanh
- Phó phòng Doanh nghiệp – CN Đông Đô
 - T6/2005- T12/2005 : Trưởng phòng Quan hệ Khách hàng – VP Bank – Chi nhánh Chương Dương
 - T1/2006-T6/2006 : Phó Phòng KH Doanh nghiệp – MB Bank , Sở Giao dịch
 - T6/2006-T3/2008 : Trưởng Phòng KH Doanh nghiệp – MB Bank, Chi nhánh Điện Biên Phủ
 - T3/2008-T12/2009 : Trưởng Phòng Khách hàng Lớn – MB Bank, Khối Khách hàng Lớn
 - T12/2009-T4/2011 : Giám đốc – MB Bank, Chi nhánh Ninh Bình
 - T4/2011 – T11/2012 : Phó Giám đốc
Phó giám đốc Phụ trách Khối Khách hàng lớn – MB Bank
 - T11/2012 đến nay : Giám đốc Khối khách hàng lớn – MB Bank;
Phó Chủ tịch HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội
 - T6/2013 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
10. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức giao dịch :
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị
11. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác :
 - Giám đốc Khối khách hàng lớn – MB Bank
Phó Chủ tịch HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội
12. Số lượng cổ phiếu đang nắm : 8.800.000 cổ phần, chiếm 12,83% vốn điều lệ
Trong đó: Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu phần vốn của MB Bank : 8.800.000 cổ phần, chiếm 12,83% vốn điều lệ
13. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty : MB Bank sở hữu 8.800.000 cổ phần, chiếm 12,83% vốn điều lệ
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch : Thù lao của thành viên HĐQT
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không

❖ **Ông Đặng Anh Vinh - Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Họ và tên : **Đặng Anh Vinh**
2. Giới tính : Nam
3. Số CMND : 011856371 Ngày cấp : 01/10/2007 Nơi cấp : Hà Nội
4. Ngày sinh : 30/03/1977 Nơi sinh : Hà Nội
5. Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
6. Địa chỉ thường trú : Tổ 23 Thị trấn Đông Anh – Huyện Đông Anh – TP Hà Nội
7. Địa chỉ hiện tại : P501 Nhà A – Chung cư An Sinh – Tổ 20 – Thị trấn Cầu Diễn – Từ Liêm – Hà Nội
8. Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
9. Quá trình công tác :
- T12/1999 – T01/2002 : Kế toán tổng hợp Công ty BOT thủy điện Cần Đơn – TCT Sông Đà
 - T02/2002 – T10/2002 : - Phó Kế toán trưởng Công ty BOT thủy điện Cần Đơn
- Bí thư Đoàn TN Công ty BOT thủy điện Cần Đơn
- Ủy viên thường vụ Đoàn TN TCT Sông Đà từ T6/2002
 - T10/2002 – T10/2004 : - Kế toán trưởng Công ty BOT thủy điện Cần Đơn
- Ủy viên BCH Đảng bộ Công ty , Bí thư Chi bộ Kinh tế Tài chính
- UV thường vụ Đoàn TN TCT Sông Đà, Bí thư Đoàn TN Công ty
 - T10/2004 – T6/2006 : - Kế toán trưởng Công ty CP thủy điện Cần Đơn – TCT Sông Đà
- Ủy viên BCH Đảng bộ Công ty, Bí thư Chi bộ Kinh tế Tài chính
- UV thường vụ Đoàn TN TCT Sông Đà, Bí thư Đoàn TN Công ty
 - T6/2006 – T7/2007 : - Phó Bí thư thường trực Đoàn TN TCT Sông Đà
- Kế toán trưởng BQL DA đường từ VĐ3 đến đường Láng Hòa Lạc – TCT Sông Đà (từ T10/2006-T07/2007)
- Kế toán trưởng BQL DA Tòa nhà hỗn hợp HH4 Mỹ Đình – TCT Sông Đà (từ T03/2007-T8/2007)

- T7/2007 - T3/2010 : - Bí thư Đoàn TN TCT Sông Đà; Chủ tịch Hội LHTN TCT Sông Đà từ T8/2008
 - Ủy viên BCH Đảng bộ TCT Sông Đà từ T11/2008
 - UV Ủy Ban TW Hội LHTN Việt Nam từ T01/2009 đến T8/2009
 - Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Sông Đà 11
 - T3/2010 - T10/2012 : - Kiểm soát viên Tập đoàn Sông Đà
 - Bí thư Đoàn TN Tập đoàn Sông Đà đến T8/2012
 - Chủ tịch Hội LHTN Tập đoàn Sông Đà
 - Ủy viên BCH TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh từ T7/2010
 - Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy Ban TW Hội LHTN Việt Nam
 - Ủy viên BCH Đảng bộ Tập đoàn Sông Đà
 - Phó Bí thư Đảng bộ Cơ quan Tập đoàn Sông Đà từ T8/2010
 - Phó Kế toán trưởng kiêm Phó Giám đốc Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Sông Đà từ T12/2011
 - Trưởng BKS Công ty CP Sông Đà 11; Trưởng Kiểm soát viên Công ty TNHH 1 thành viên Hạ tầng Sông Đà; Trưởng BKS Công ty CP Sông Đà 2;
 - T10/2012 – T2/2013 - Ủy viên BCH TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đến T12/2012
 - Ủy viên BCH Đảng bộ TCT Sông Đà, Phó Bí thư Đảng bộ Cơ quan TCT
 - Phó Kế toán trưởng kiêm Phó Giám đốc Ban Tài chính Kế toán TCT Sông Đà
 - Kiểm soát viên TCT Sông Đà;
 - Trưởng BKS Công ty CP Sông Đà 11; Trưởng Kiểm soát viên Công ty TNHH 1 thành viên Hạ tầng Sông Đà; Trưởng BKS Công ty CP Sông Đà 2; Trưởng BKS CTCP Sông Đà Hà Nội.
 - T3/2013 đến nay Tổng Giám đốc Công ty
 - T6/2013 đến nay Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty
10. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức giao dịch :
- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty
11. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác :
12. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 19.030.000 cổ phần, chiếm 27,81% vốn
- Trong đó: Sở hữu cá nhân : 30.000 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà : 19.000.000 cổ phần, chiếm 27,7% vốn điều lệ
13. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty : - Em trai Đặng Thanh Quang, sở hữu 6.000 cổ phần SDFC, chiếm 0,009% vốn điều lệ

- Tổng công ty Sông Đà sở hữu 19.000.000
cổ phần, chiếm 27,7% vốn điều lệ

14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức
đăng ký giao dịch :
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao
dịch : Không

❖ **Ông Phùng Quang Tuyên - Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Họ và tên : **Phùng Quang Tuyên**
2. Giới tính : Nam
3. Số CMND : 011954497 Ngày cấp : 01/04/2011 Nơi cấp : Hà Nội
4. Ngày sinh : 13/09/1976 Nơi sinh : Hà Nội
5. Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
6. Địa chỉ thường trú : Số nhà 136 Tập thể Đại học Tài chính kế toán – Tổ 10 Cầu Diễn – Từ
Liêm – Hà Nội
7. Địa chỉ hiện tại : Số nhà 136 Tập thể Đại học Tài chính kế toán – Tổ 10 Cầu Diễn – Từ
Liêm – Hà Nội
8. Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
9. Quá trình công tác :
- 2000-2001 : Chuyên viên Phòng TCKT Công ty Sông Đà 6 – Tổng công ty Sông
Đà
 - 2001 - 11/2003 : Phó phòng Tài chính kế toán Chi nhánh Công ty Sông Đà 6 tại Thừa
Thiên Huế
Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty Sông Đà 6 tại Thừa Thiên Huế
 - T 11/2003 – 3/2004 : Kế toán trưởng Công ty cổ phần phát triển công nghệ cơ khí – Tổng
công ty Sông Đà
 - T 4/2004 – 11/2005 : Phó Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 1 – Tổng công ty Sông Đà
 - T12/2005 –
06/2009 : Trưởng phòng Tài chính Kế toán Ban điều hành dự án Thủy điện Huội
Quảng - Tổng công ty Sông Đà
 - T 07/2009 –
10/2013 : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sông Đà Hoàng Long - Tổng công ty
Sông Đà
 - T11/2013 đến nay : Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH 2 thành viên
BOT Quốc Lộ 1A Cienco4 và Tổng công ty 319.
 - T 6/2013 đến nay : Thành viên độc lập của HĐQT SDFC
10. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức giao dịch :
- Thành viên HĐQT
11. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác :

- Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH 2 thành viên BOT Quốc Lộ 1A Cienco4 và Tổng công ty 319.
- 12. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 7.500 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ
- Trong đó: Sở hữu cá nhân : 7.500 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu phần vốn : Không
- 13. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không
- 14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không
- 16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch : Thù lao của thành viên HĐQT
- 17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không

❖ **Bà Trần Thị Thanh Hương - Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Họ và tên : **Trần Thị Thanh Hương**
2. Giới tính : Nữ
3. Số CMND : 025202134 Ngày cấp : 14/09/2009 Nơi cấp : HCM
4. Ngày sinh : 17/9/1968 Nơi sinh : Hải Phòng
5. Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
6. Địa chỉ thường trú : 62/29/11A, Đường Lâm Văn Bền, Phường Tân Kiểng, Quận 7, TP HCM
7. Địa chỉ hiện tại : 62/29/11A, Đường Lâm Văn Bền, Phường Tân Kiểng, Quận 7, TP HCM
8. Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ, Kỹ sư kinh tế
9. Quá trình công tác :
 - 08/1995 - 12/1995 : Kế toán viên - Công ty thủy tinh Hải phòng
 - 12/1995-01/1997 : Kế toán viên - Công ty TNHH thủy tinh San Miguel – Yamamura- Hải phòng
 - 07/1997 - 12/1999 : Kế toán viên – Công ty Bảo hiểm thành phố Hồ Chí Minh (Bảo Minh)
 - 01/2000 - 07/2002 : Phó phòng Đầu tư - Công ty Bảo hiểm thành phố Hồ Chí Minh (Bảo Minh)
 - 07/2002 - 01/2005 : Phó Giám Đốc ban Kế hoạch - Tổng Công ty CP Bảo Minh
 - 02/2005 - 11/2008 : Giám Đốc ban Kế hoạch - Tổng Công ty CP Bảo Minh
 - 11/2008 - 06/2013 : Chánh Văn Phòng - Tổng Công ty CP Bảo Minh
 - 07/2013 đến nay : Giám đốc Ban Đầu tư - Tổng Công ty CP Bảo Minh
 - 26/6/2014 đến nay : Thành viên HĐQT

10. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức giao dịch :
- Thành viên HĐQT
11. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác :
- Giám đốc Ban Đầu tư - Tổng Công ty CP Bảo Minh
12. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 8.000.000 cổ phần, chiếm 11,66% vốn điều lệ
- Trong đó: Sở hữu cá nhân : Không
- Đại diện sở hữu phần vốn của Tổng Công ty CP Bảo Minh : 8.000.000 cổ phần, chiếm 11,66% vốn điều lệ
13. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh sở hữu 8.000.000 cổ phần, chiếm 11,66% vốn điều lệ
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch : Thù lao của thành viên HĐQT
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không

❖ **Ông Trần Tuấn Linh - Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Họ và tên : **Trần Tuấn Linh**
2. Giới tính : Nam
3. Số CMND : 013001387 Ngày cấp : 7/4/2011 Nơi cấp : Hà Nội
4. Ngày sinh : 05/09/1974 Nơi sinh : Nam Định
5. Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
6. Địa chỉ thường trú : P604-A1 tầng 6, lô 3B, ngõ 83 Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội
7. Địa chỉ hiện tại : P604-A1 tầng 6, lô 3B, ngõ 83 Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội
8. Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Kinh tế
9. Quá trình công tác :
- 11/1996 - 05/1998 : Nhân viên Phòng Kế toán Công ty XDCT Ngâm Sông Đà 10 tại Yaly
 - 06/1998 - 11/1999 : Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty XD Sông Đà 10 tại miền Nam
 - 12/1999 - 05/2000 : Phó KTT Phòng kế toán Công ty XD Sông Đà 10 tại Yaly
 - 06/2000 - 05/2001 : Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty XD Sông Đà 10 tại Tây Nguyên
 - 06/2001 - 12/2001 : Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty XD Sông Đà 10 tại miền Bắc
 - 01/2002 - 04/2010 : Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 10

- 05/2010 - nay : Phó TGD Công ty CP Sông Đà 10
- 26/6/2014 đến nay : Thành viên HĐQT
- 10. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức giao dịch :
 - Thành viên HĐQT
- 11. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác :
 - Phó TGD Công ty CP Sông Đà 10
- 12. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 8.000 cổ phần
- 13. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không
- 14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không
- 16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch : Thù lao của thành viên HĐQT
- 17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không

12.2. Ban Tổng Giám đốc

❖ **Ông Đặng Anh Vinh - Tổng Giám đốc – SYLL như trên**

❖ **Ông Tạ Duy Sơn - Phó Tổng Giám đốc**

1. Họ và tên : **Tạ Duy Sơn**
2. Giới tính : Nam
3. Số CMND : 013117281 Ngày cấp : 12/9/2008 Nơi cấp : Hà Nội
4. Ngày sinh : 05/3/1976 Nơi sinh : Thái Bình
5. Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
6. Địa chỉ thường trú : Số 3 ngách 495/3 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
7. Địa chỉ hiện tại : Số 3 ngách 495/3 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
8. Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD, Cử nhân TCKT
9. Quá trình công tác :
 - T2/1997 – T11/1998 : Kế toán tổng hợp - Công ty XD Sông Đà 4
 - T12/1998 – T6/2000 : Kế toán tổng hợp Công ty BOT thủy điện Cần Đơn – TCT Sông Đà
 - T7/2000 – T9/2001 : Kế toán trưởng CN Công ty XD Sông Đà 7 tại Yaly;
 - T10/2001 – T8/2005 : Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 3
 - T9/2005 – T5/2008 : Kế toán trưởng Đại diện TCT Sông Đà tại Miền Trung;
Kế toán trưởng Ban điều hành Dự án thủy điện Sê San 3.
 - T6/2008 – T2/2011 : Trưởng phòng Tín dụng Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà
 - T3/2011 đến nay : Phó Tổng giám đốc SDFC

10. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức giao dịch :
 – Phó Tổng giám đốc
11. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác :
12. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 120.000 cổ phần
13. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty :
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch :
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không

❖ **Ông Trần Tiến Đạt - Phó Tổng Giám đốc**

1. Họ và tên : **Trần Tiến Đạt**
2. Giới tính : Nam
3. Số CMND : 012526899 Ngày cấp : 22/5/2008 Nơi cấp : Hà Nội
4. Ngày sinh : 15/10/1981 Nơi sinh : Yên Bái
5. Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
6. Địa chỉ thường trú : Nhà 5 –A10, Tập thể trường Nguyễn Ái Quốc 10, Tổ 1C, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội
7. Địa chỉ hiện tại : Xóm Đình, thôn Phú Thứ, xã Tây Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội
8. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
9. Quá trình công tác :
- 05/2004 – 5/2007 : Chuyên viên Phòng Tài chính - Tổng công ty Sông Đà
 - 5/2007 – 07/2008 : Chuyên viên Ban trụ bị thành lập Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà
 - 06/2008 - 08/2008 : Thư ký Hội đồng quản trị - Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà
 - 08/2008 – 11/2008 : Phó Phòng Đầu tư - Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà
 - 12/2009 – 01/2009 : Phó Phòng Tín Dụng – Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà
 - 02/2009 – 02/2011 : Phó Phòng Nguồn Vốn – Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà
 - 03/2011 – 04/2012 : Trưởng Phòng Đầu tư – Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà
 - T05/2012 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty
10. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức giao dịch :
 – Phó Tổng Giám đốc
11. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
12. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : Không
13. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của :

Công ty

14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch : Không
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không

12.3. Ban kiểm soát

❖ Ông Nguyễn Minh Cường - Trưởng Ban kiểm soát

18. Họ và tên : **Nguyễn Minh Cường**
19. Giới tính : Nam
20. Số CMND : 022925024 Ngày cấp : 1/3/2005 Nơi cấp : HCM
21. Ngày sinh : 18/03/1970 Nơi sinh : Hà Nội
22. Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
23. Địa chỉ thường trú : 118/148F Bạch Đằng, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
24. Địa chỉ hiện tại : 118/148F Bạch Đằng, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
25. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
26. Quá trình công tác :
- 10/1993 – 06/1994 : Chuyên viên Ngân hàng Nhà nước chi nhánh HCM
 - 06/1994 – 10/1995 : Chuyên viên Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
 - 10/1995 – 8/2013 : Chuyên viên Tổng công ty cổ phần Bảo Minh; Phó Giám đốc Ban Đầu tư Tổng công ty cổ phần Bảo Minh
 - 5/2008 – 5/2013 : Thành viên BKS SDFC
 - 9/2013 - nay : Quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Minh
 - 6/2013 - nay : Trưởng Ban kiểm soát SDFC
27. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức giao dịch :
- Trưởng Ban kiểm soát
28. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác :
- Quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Minh
 - Thành Viên Ban kiểm soát Công ty CP Khách Sạn Sài Gòn Kim Liên
29. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : Không
30. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không
31. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
32. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không

33. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch : Thù lao của thành viên BKS
34. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không

❖ **Ông Vũ Văn Doanh – Thành viên Ban kiểm soát**

1. Họ và tên : **Vũ Văn Doanh**
2. Giới tính : Nam
3. Số CMND : 162733561 Ngày cấp : 26/2/2007 Nơi cấp : Nam Định
4. Ngày sinh : 12/4/1985 Nơi sinh : Nam Định
5. Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
6. Địa chỉ thường trú : xã Nam Lợi – huyện Nam Trực – tỉnh Nam Định
7. Địa chỉ hiện tại : 46 ngõ 192 – Kim Giang – Thanh Xuân – Hà Nội
8. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
9. Quá trình công tác :
- 6/2008 – 8/2009 : Cán bộ kế toán – Công ty Cổ phần Xây dựng TMC Bạch Đằng
 - 9/2009 – 5/2013 : Chuyên viên Phòng Đầu tư & DVTC Công ty Tài chính CP Sông Đà
 - 6/2013 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát
10. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức giao dịch :
- Thành viên Ban kiểm soát
11. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
12. Số lượng cổ phiếu đang nắm : Không
13. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch : Thù lao của thành viên BKS
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không

❖ **Bà Nguyễn Thị Việt Oanh – Thành viên Ban kiểm soát**

1. Họ và tên : **Nguyễn Thị Việt Oanh**
2. Giới tính : Nữ
3. Số CMND : 013245537 Ngày cấp : 10/12/2009 Nơi cấp : Hà Nội
4. Ngày sinh : 18/6/1981 Nơi sinh : Phú thọ

5. Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
6. Địa chỉ thường trú : Số 80B, ngõ 15, phố Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội
7. Địa chỉ hiện tại : Phòng 3G1, nhà CT4, Khu đô thị Văn Khê, quận Hà Đông, Hà Nội
8. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
9. Quá trình công tác :
 - 2004-2006 : Chuyên viên Phòng quản lý chi nhánh – Khối quản lý mạng lưới Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt nam
 - 2006-2008 : Chuyên viên Phòng đầu tư & Quản lý dự án MB Bank
 - 2008-2009 : Chuyên viên Phân tích đầu tư Khối đầu tư MB Bank
 - 2009-2/2012 : Phó phòng Phân tích & Tư vấn đầu tư – Khối đầu tư MB Bank
 - T2/2012 đến nay : Phó phòng Đầu tư – Khối đầu tư MB Bank
 - T10/2012 đến nay : Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư MB
 - 5/2008 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát SDFC
10. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức giao dịch :
 - Thành viên Ban kiểm soát
11. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác :
 - Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư MB
 - Phó phòng Đầu tư – Khối đầu tư MB Bank
12. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : Không
13. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch : Thù lao của thành viên BKS
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không

❖ **Bà Phạm Thị Nhàn - Thành viên Ban kiểm soát**

1. Họ và tên : **Phạm Thị Nhàn**
2. Giới tính : Nữ
3. Số CMND : 183480455 Ngày cấp : 24/5/2011 Nơi cấp : Hà Tĩnh
4. Ngày sinh : 08/4/1986 Nơi sinh : Hà Tĩnh
5. Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
6. Địa chỉ thường trú : Khối 5 – Thị trấn Phố Châu – Huyện Hương Sơn – Tỉnh Hà Tĩnh

7. Địa chỉ hiện tại : Phòng 306A – Tập thể Bánh kẹo Hải Hà – ngách 29 – ngõ Giáp Bát – quận Hoàng Mai – TP Hà Nội.
8. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
9. Quá trình công tác :
- 4/2009 – 9/2009 : Chuyên viên phòng Kế hoạch thị trường - Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà
 - 9/2009 – 3/2010 : Chuyên viên Tổ thẩm định độc lập - Công ty Tài chính CP Sông Đà
 - 3/2010 – 10/2010 : Chuyên viên Phòng Quản lý rủi ro - Công ty Tài chính CP Sông Đà
 - 10/2010 – 5/2013 : Chuyên viên Kiểm toán nội bộ - Công ty tài chính CP Sông Đà
 - 6/2013 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát
10. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức giao dịch :
- Thành viên Ban kiểm soát
11. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
12. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : Không
13. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch : Thù lao của thành viên BKS
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không

12.4. Kế toán trưởng

❖ Ông Đặng Xuân Cảnh - Kế toán trưởng

1. Họ và tên : **Đặng Xuân Cảnh**
2. Giới tính : Nam
3. Số CMND : 013224318 Ngày cấp : 16/8/2012 Nơi cấp : Hà Nội
4. Ngày sinh : 12/1/1976 Nơi sinh : Nam Định
5. Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
6. Địa chỉ thường trú : Số 52 ngõ 160 Lương Thế Vinh – Thanh Xuân Bắc – Thanh Xuân – Hà Nội
7. Địa chỉ hiện tại : Số 52 ngõ 160 Lương Thế Vinh – Thanh Xuân Bắc – Thanh Xuân – Hà Nội
8. Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế
9. Quá trình công tác :

- 12/1999–7/2003 : Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán – Tổng công ty Sông Đà
 - 8/2003-7/2004 : Phó Kế toán trưởng Công ty BOT Hầm đường bộ qua đèo Ngang - Tổng công ty Sông Đà
 - 8/2004-5/2007 : Chuyên viên Phòng Tài chính – TCT Sông Đà
 - 6/2007 – 4/2008 : Thành viên Ban trụ bị thành lập Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà
 - 5/2008 – 9/2009 : Trưởng phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Trưởng phòng Kế hoạch
: Thị trường Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà
 - 9/2009 – 2/2011 : Phó trưởng phòng Đầu tư và Dịch vụ tài chính Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà
 - 3/2011 - 10/2013 : Trưởng phòng Quản lý rủi ro Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà
 - 11/2013 đến nay : Kế toán trưởng
10. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức giao dịch :
- Kế toán trưởng
11. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
12. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : Không
13. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch : Không
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không

13. Tài sản

Tình hình Tài sản cố định tại ngày 31/12/2013

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ	KHẤU HAO LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
TSCĐ Hữu hình	4.150.876.017	3.561.285.963	589.590.054
Máy móc thiết bị	1.399.353.599	1.189.614.671	209.738.928
Phương tiện vận tải	2.513.958.782	2.252.705.571	261.253.211
Thiết bị dụng cụ quản lý	237.563.636	118.965.721	118.597.915
TSCĐ vô hình (phần mềm kế toán)	1.756.771.873	1.661.216.316	95.555.557
Tổng	5.907.647.890	5.222.502.279	685.145.611

Nguồn: SDFC

Tình hình Tài sản cố định tại ngày 30/09/2014

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ	KHẤU HAO LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
TSCĐ Hữu hình	4.150.876.017	3.981.067.212	169.808.805
Phương tiện vận tải	1.636.917.235	1.493.795.450	143.121.785
Máy móc thiết bị	2.513.958.782	2.487.271.762	26.687.020
Thiết bị dụng cụ quản lý	0	0	0
TSCĐ vô hình (phần mềm kế toán)	1.926.771.873	1.747.638.808	179.133.065
Tổng	6.077.647.890	5.728.706.020	348.941.870

Nguồn: SDFC

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2014 thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2014:

Chỉ tiêu	Đơn vị (tính giá trị)	Năm 2013 (Thực hiện)	Năm 2014		Năm 2015
		Giá trị	Giá trị	% tăng giảm so với 2013	Giá trị
Vốn điều lệ đăng ký	Triệu đồng	686.000	686.000	-	686.000
Vốn và các quỹ	Triệu đồng	774.850	780.000	0,66%	785.000
Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự (doanh số cho vay)	Triệu đồng	167.337	152.000	- 9,17%	120.000
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.661	4.800	- 44,58%	6.000
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập	%	5,18	3,16	- 2,02	5,0
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,12	0,62	- 0,50	0,76
Cổ tức	%	-	-	-	-

Nguồn: SDFC

Theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT ngày 19/09/2014 điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2014:

Chỉ tiêu	Đơn vị (tính giá trị)	Năm 2013 (Thực hiện)	Năm 2014 (số liệu điều chỉnh)		Năm 2015
		Giá trị	Giá trị	% tăng giảm so với 2013	Giá trị
Vốn điều lệ đăng ký	Triệu đồng	686.000	686.000	-	686.000
Vốn và các quỹ	Triệu đồng	774.850	780.000	0,66%	785.000
Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự (doanh số cho vay)	Triệu đồng	167.337	129.000	- 22,91%	120.000
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.661	5.100	- 41,12%	6.000
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập	%	5,18	3,95	- 1,23	5,0
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,12	0,65	- 0,47	0,76
Cổ tức	%	-	-	-	-

Nguồn: SDFC

❖ **Nêu căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên**

Kinh tế Việt Nam năm 2014 và dự báo năm 2015 bước vào giai đoạn ổn định hơn với mục tiêu chính là ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tăng trưởng hợp lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Tuy nhiên, nền kinh tế còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, khó khăn và thách thức. Nhận thức và lường trước những thách thức của nền kinh tế, căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian qua, Công ty dự kiến kế hoạch kinh doanh cho năm 2014 với thu nhập dự kiến 129 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 5,1 tỷ đồng.

Các biện pháp nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm:

- + Đối với hoạt động tín dụng: Công ty ưu tiên tập trung tăng trưởng dư nợ cho vay nhóm khách hàng có chất lượng tín dụng tốt nhằm tăng dư nợ cho vay bình quân, đảm bảo mục tiêu lợi nhuận.
Nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng, giảm thiểu dự phòng rủi ro phải trích đối với hoạt động tín dụng.
- + Đối với hoạt động đầu tư: Cơ cấu lại danh mục đầu tư, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, thực hiện hoạt động kinh doanh vốn theo sát với lãi suất thị trường, nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo an toàn kinh doanh.
- + Hoạt động kinh doanh ngoại hối: Xây dựng kế hoạch kinh doanh ngoại hối, dự báo sự biến động của tỷ giá, đa dạng hình thức thực hiện nhằm giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- + Đối với hoạt động dịch vụ tài chính: Công ty tập trung cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng và có chất lượng cao cho khách hàng, đối tác.
- + Bên cạnh đó, Công ty tập trung phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm đồng thời áp dụng các biện pháp hữu hiệu để giảm chi phí hoạt động.

❖ **Kế hoạch đầu tư, dự án đã được ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua**

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014, ĐHĐCĐ đã thông qua Phương án, chủ trương tái cơ cấu công ty, theo đó ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HĐQT tìm kiếm đối tác trong và ngoài nước để thực hiện đề án tái cơ cấu. ĐHĐCĐ cũng ủy quyền cho HĐQT thực hiện bán những khoản nợ xấu đủ điều kiện cho VAMC.

Đối với hoạt động kinh doanh: được sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT công ty chủ trương thực hiện:

- + Kế hoạch tín dụng: Kế hoạch năm 2014 HĐQT phê duyệt số dư hoạt động tín dụng là 349 tỷ đồng (không bao gồm 450 tỷ đồng khoản phải thu của Sông Đà Thăng Long theo dõi ở tài khoản phải thu). Bên cạnh công tác thu nợ, trong 9 tháng đầu năm 2014, SDFC đã giải ngân cho vay đối với khách hàng mới với tổng số tiền giải ngân là 74 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng đến 30/9/2014 là 218 tỷ đồng, đạt 62,5% kế hoạch năm. Một số khách hàng lớn như sau: CTCP Xi măng Hạ Long (71 tỷ đồng vay ngắn hạn và 44 tỷ đồng vay dài hạn), CTCP Phân bón và hóa chất Cần Thơ (25 tỷ đồng vay ngắn hạn), CTCP XD&PT Hạ tầng đô thị BID Việt Nam (13,8 tỷ đồng vay ngắn hạn), CTCP Thủy điện Nậm Mu (18,5 tỷ đồng vay dài hạn),... Trong quý IV, SDFC tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng để hoàn thành kế hoạch được HĐQT giao.

- + Kế hoạch hoạt động nguồn vốn: Kế hoạch năm 2014 được duyệt số dư huy động vốn cuối năm là 359 tỷ đồng, thực hiện đến 30/9/2014 là 451,3 tỷ đồng, đạt 126% kế hoạch năm. Trong năm 2014, SDFC chủ yếu tập trung đàm phán với các Tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng mà SDFC đang huy động vốn để giảm lãi suất, đảm bảo hiệu quả hoạt động của SDFC.
- + Hoạt động bảo lãnh: Bên cạnh nghiệp vụ cho vay, SDFC cũng đã triển khai cấp bảo lãnh (bảo lãnh hoàn trả tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo hành,...) cho các đơn vị trong và ngoài TCT Sông Đà đang thực hiện thi công các công trình, dự án lớn như thủy điện Huội Quang, Thủy điện ĐăkDrinh, Thủy điện Nho Quế, công trình Viện Bông Quốc gia,... Số dư bảo lãnh đến thời điểm 30/9/2014 là 58,5 tỷ đồng. Các khoản bảo lãnh của SDFC đều được cấp cho các đơn vị có năng lực thi công mạnh, đủ khả năng thực hiện các hợp đồng đã ký với chủ đầu tư (Sông Đà 5, Sông Đà 6, Lilama 10, Sông Đà Hà Nội, CTCP ĐT&XD Vạn Thành,...). Đến thời điểm hiện nay, SDFC chưa phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ bảo lãnh nào. Trong thời gian tới, SDFC tiếp tục khai thác dịch vụ bảo lãnh chủ yếu là đối với các khách hàng là đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông Đà (công ty con, công ty liên kết) thực hiện thi công các công trình trọng điểm do Tổng công ty và các đơn vị thành viên làm chủ đầu tư hoặc làm tổng thầu.
- + Đầu tư tài chính: Danh mục đầu tư của SDFC chủ yếu là các khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp: Trái phiếu TCT Sông Đà 40 tỷ đồng, trái phiếu DATC 15 tỷ đồng, trái phiếu Sông Đà Thăng Long 210 tỷ đồng. Trong những năm trước, hoạt động đầu tư trái phiếu mang lại hiệu quả khá cao cho SDFC. Tuy nhiên, thời điểm hiện tại khoản đầu tư trái phiếu CTCP Sông Đà Thăng Long (STL) đang gặp nhiều khó khăn. SDFC đã thống nhất với các trái chủ khác thực hiện xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản đầu tư trái phiếu STL. Trong thời gian tới, SDFC tiếp tục nghiên cứu thị trường để tìm kiếm những cơ hội đầu tư mới đảm bảo nguyên tắc an toàn, hiệu quả, phù hợp với chiến lược của Công ty.

❖ **Tóm tắt kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2014 so với kế hoạch năm 2014**

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2014* (Triệu đồng)	9 THÁNG ĐẦU NĂM 2014	TỶ LỆ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH
1	Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	129.000	93.599	72,56%
2	Lợi nhuận trước thuế	6.600	4.547	68,89%
2	Lợi nhuận sau thuế	5.100	3.355	65,78%

Nguồn: SDFC

(*): Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2014 thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2014 với chỉ tiêu Doanh thu là 152 tỷ đồng, Lợi nhuận trước thuế 6,5 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế 4,8 tỷ đồng.

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2014, được ủy quyền của ĐHĐCĐ, căn cứ vào điều kiện thực tế của thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, ngày 19/9/2014 HĐQT

Công ty đã ra Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2014 của Công ty với kế hoạch doanh thu là 129 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 5,1 tỷ đồng.

Trong 09 tháng năm 2014, doanh số cho vay của công ty đạt 93,6 tỷ đồng, đạt 72,56% kế hoạch năm 2014 và Lợi nhuận sau thuế đạt trên 65%. Công ty đang nỗ lực thực hiện các hoạt động kinh doanh nhằm đạt kết quả kinh doanh vào cuối năm và dự kiến hoàn thành kế hoạch kinh doanh đặt ra trong năm 2014.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch:

Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán đăng ký giao dịch:

Không có

V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Loại chứng khoán: **Cổ phiếu phổ thông**
2. Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phiếu**
3. Mã chứng khoán: **SDF**
4. Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 68.600.000 (*Sáu mươi tám triệu sáu trăm ngàn*) cổ phiếu.
5. Giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch (theo mệnh giá): 686.000.000.000 (*Sáu trăm tám mươi sáu tỷ*) đồng
6. Phương pháp tính giá

Để lựa chọn giá tham chiếu của cổ phiếu SDF trong phiên giao dịch đầu tiên, Công ty đã tính giá cổ phiếu SDF theo các phương pháp tính giá phổ biến hiện nay: phương pháp giá trị sổ sách của doanh nghiệp và phương pháp so sánh chỉ số P/B bình quân:

6.1. Phương pháp giá trị sổ sách

Công thức tính:

$$\text{Giá trị sổ sách 1 cổ phần} = \frac{\text{Nguồn Vốn chủ sở hữu - Nguồn kinh phí và quỹ khác}}{\text{Số cổ phần đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm 31/12/2013:

$$\text{Giá trị sổ sách (BV)} = \frac{774.850.347.710 - 0}{68.600.000} = \mathbf{11.295 \text{ đồng}}$$

Tại thời điểm 30/09/2014:

$$\text{Giá trị sổ sách (BV)} = \frac{777.118.306.602 - 0}{68.600.000} = \mathbf{11.328 \text{ đồng}}$$

6.2. Phương pháp so sánh chỉ số P/B

Phương pháp so sánh chỉ số P/B sử dụng chỉ số P/B bình quân của các công ty cùng ngành có quy mô tương đương được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Theo đó, giá cổ phiếu được tính như sau:

$$\text{Giá cổ phiếu} = \text{Giá trị sổ sách (Book value)} \times \text{Hệ số P/B bình quân}$$

Căn cứ theo kết quả giao dịch trong 30 phiên gần nhất của cổ phiếu ba công ty cùng lĩnh vực hoạt động có quy mô tương đương đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội để tính chỉ số P/B bình quân.

Giá cổ phiếu theo phương pháp so sánh chỉ số P/B là giá trị sổ sách tại một thời điểm của công ty nhân với hệ số P/B bình quân.

6.3. Phương pháp so sánh chỉ số P/E

Phương pháp so sánh chỉ số P/E sử dụng chỉ số P/E bình quân của các công ty cùng ngành có quy mô tương đương được niêm yết và đăng ký giao dịch UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Theo đó, giá cổ phiếu được tính như sau:

$$\text{Giá cổ phiếu} = \text{Thu nhập mỗi cổ phiếu (EPS)} \times \text{Chỉ số P/E bình quân}$$

6.4. Xác định giá tham chiếu tại ngày giao dịch đầu tiên

Cơ sở xác định giá cổ phiếu SDF tham chiếu tại ngày giao dịch đầu tiên do công ty đề xuất sẽ căn cứ vào tỷ lệ giá cổ phiếu được tính theo các phương pháp trên. Đồng thời Hội đồng quản trị Công ty cũng sẽ cân nhắc trên tình hình thị trường chứng khoán thực tế tại thời điểm đăng ký ngày giao dịch đầu tiên đề xuất mức giá hợp lý để thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư tới cổ phiếu Công ty.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài căn cứ theo Điều 7 Nghị định 01/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2014:

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại Việt Nam. Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng phi ngân hàng Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng, công ty niêm yết.

Theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam: Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 49% vốn điều lệ của một công ty đại chúng.

Tại ngày chốt danh sách cổ đông đăng ký giao dịch UPCoM (11/12/2014), tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà là 0%.

8. Trình tự thực hiện giao dịch cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài

Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phiếu của tổ chức tín dụng Việt Nam thực hiện các thủ tục và trình tự giao dịch theo quy định tại Điều 8 Nghị định 01/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2014.

9. Các loại thuế có liên quan

Thuế thu nhập cá nhân

Đối với thu nhập từ đầu tư chứng khoán, chuyển nhượng chứng khoán và quyền mua cổ phiếu chào bán: thực hiện Theo Luật 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Mức thuế suất TNDN hàng năm áp dụng cho Công ty theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP Hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN, Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được xác định theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

- Địa chỉ: Số 2 phố Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 3547 2972 Fax: (08) 3547 2970
- Chi nhánh Hà Nội: Số 40 Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 37.367.879 Fax: (84.4) 37.367.869
- Website: www.a-c.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

- Trụ sở chính: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3772 6868 Fax: (84-4) 3772 6131
- Chi nhánh Hồ Chí Minh: Lầu 2, tòa nhà Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, HCM
- Điện thoại: (84-8) 3823 3923 Fax: (84.8). 3827 7380
- Website: www.kls.vn

8. PHỤ LỤC

1. Nghị quyết HĐQT thông qua việc đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn giao dịch Upcom;
2. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
3. Bản Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty;
4. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013;
5. BCTC 9 tháng đầu năm 2014;

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2014

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ**

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG ANH VINH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN MINH CƯỜNG

CHỦ TỊCH HĐQT



LI QUỐC MINH

KÊ TOÁN TRƯỞNG



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2014

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



BUI QUANG BÁCH